

ĐỀ CƯƠNG
GIỮA HỌC KỲ I CÁC MÔN KHỐI 8 NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN TOÁN

A. Kiến thức ôn tập (Kiến thức từ tuần 1 đến hết tuần 8)

- **Đại số:** Đơn thức nhiều biến. Đa thức nhiều biến; Các phép tính với đa thức nhiều biến; Hằng đẳng thức đáng nhớ; Vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử.
- **Hình học:** Hình chóp tam giác đều; hình chóp tứ giác đều; Định lí Pythagore; Tứ giác; Hình thang cân; Hình bình hành.

B. Một số bài tập tham khảo

I. Trắc nghiệm: *Hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.*

Câu 1: Trong các biểu thức đại số sau, biểu thức nào không phải đơn thức?

- A. $2x^6y^7$ B. $3xy$ C. $-\frac{3}{4}$ D. $x - \frac{2}{2}$

Câu 2: Giá trị của đơn thức $4x^2yz^5$ tại $x = -1$; $y = -1$; $z = 1$ là:

- A. 20 B. 4 C. -8 D. -4

Câu 3: Phần biến của đơn thức dưới đây là (với a,b là hằng số):

$$\left(-\frac{a}{4}\right)^2 \cdot 3xy(4a^2x^2) \left(4\frac{1}{2}ay^2\right)$$

- A. xy B. xy^3 C. x^3y^3 D. x^3y

Câu 4: Nhóm nào sau đây có các đơn thức đồng dạng?

- A. xy^3 ; x^3y ; x^2y^2 B. xyx^2 ; $5x^3y$; $-3x^3y$
C. x^3yz ; x^3z^2y ; $-7x^2yz^2$ D. xyz^2 ; xz^2y ; $3x^2yz$

Câu 5: Đơn thức $-5x^2yz^2$ có bậc là

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 6: Cho đa thức $4x^5y^2 - 5x^3y + 7x^3y + 2ax^5y^2$. Giá trị của a để bậc đa thức này là 4

- A. $a = 2$ B. $a = 0$ C. $a = -2$ D. $a = 1$

Câu 7: Hệ số của đơn thức $-6xy \cdot \left(-\frac{1}{2}x^2yz\right)$ là

- A. -6 B. $-\frac{1}{2}$ C. 3 D. -3

Câu 8: Khi chia đơn thức $-6x^5y^3z^2$ cho đơn thức $-2x^2y^2z$, ta được kết quả là:

- A. $3x^2yz$ B. $-3x^3yz$ C. $3xy^2z$ D. $3x^3yz$

Câu 9: Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. $x^3 - y^3 = (x - y)(x^2 + xy + y^2)$ B. $x^3 + y^3 = (x + y)(x^2 - xy + y^2)$
C. $(x + y)^3 = x^3 + y^3$ D. $(x - y)^2 = (y - x)^2$

Câu 10: Thương của phép chia $(-12x^4y + 4x^3 - 8x^2y^2) : (-4x^2)$ bằng

- A. $3x^4y + x^3 - 2x^2y^2$ B. $-12x^2y + 4x - 2y^2$
C. $3x^2y - x + 2y^2$ D. $-3x^2y + x - 2y^2$

Câu 11: Giá trị biểu thức $A = 15x^5y^4z^3 : (-3x^4y^4z^2)$ với $x = -2$; $y = 2024$; $z = 10$ là

A. -100

B. 100

C. -200

D. 120

Câu 12: Kết quả của phép tính $x(2x^2 - xy + y^2)$ là

A. $x^3 - 2x^2y + xy^2$

B. $2x^3 - x^2y + xy^2$

C. $2x^3 + x^2y + xy^2$

D. $2x^3 - x^2y - xy^2$

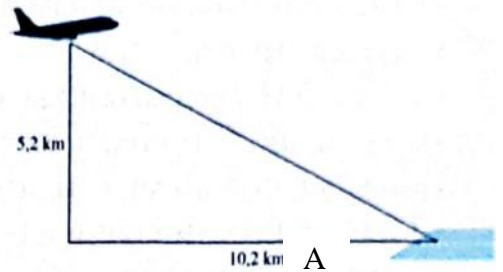
Câu 13. Một máy bay đang ở độ cao 5,2 km. Khoảng cách từ hình chiếu vuông góc của máy bay xuống mặt đất đến vị trí A của sân bay là 10,2 km (như hình bên). Khoảng cách từ vị trí máy bay đến vị trí A của sân bay là:

A. 5 km.

B. 15,4 km.

C. Khoảng 8,8 km.

D. Khoảng 11,4 km.



Câu 14. Cho ΔMNP biết $MN = 6; MP = 8; NP = 10$. Khi đó ΔMNP vuông tại:

A. Đỉnh N

B. Đỉnh P

C. Đỉnh M

D. Điểm M

Câu 15: Cho tứ giác ABCD có $A = 60^\circ; B = 135^\circ; D = 29^\circ$. Số đo góc C bằng:

A. 137° B. 136° C. 135° D. 36°

Câu 16: Cho tứ giác ABCD, trong đó $\hat{A} + \hat{B} = 130^\circ$; Tổng $\hat{C} + \hat{D} = ?$

A. 50° B. 130° C. 170° D. 230°

Câu 17: Cho tứ giác ABCD có $\hat{A} = 50^\circ; \hat{B} = 150^\circ; \hat{D} = 45^\circ$. Số đo góc ngoài tại đỉnh C bằng:

A. 115° B. 130° C. 66° D. 65°

Câu 18: Cho hình thang cân ABCD (như hình vẽ). Số đo của $\angle BCD = ?$

A. 130° B. 120° C. 110° D. 60° 

Câu 19: Hình chóp tam giác đều có cạnh dài 4 (cm) và trung đoạn bằng 15 (cm) thì diện tích xung quanh của hình chóp đó bằng:

A. 60cm^2 B. 70cm^2 C. 80cm^2 D. 90cm^2

Câu 20: Hãy chọn câu đúng. Cho hình bình hành ABCD có các điều kiện như hình vẽ, trong hình có:

A. 5 hình bình hành

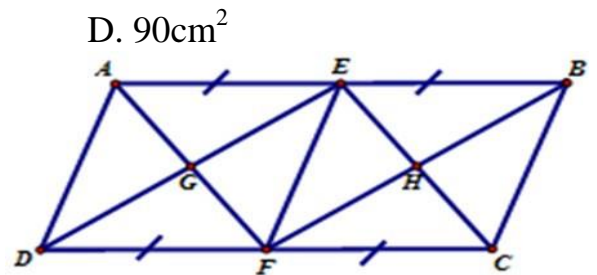
B. 6 hình bình hành

hình

C. 4 hình bình hành

D. 3 hình bình hành

hình



II. Tự luận:

Phần 1. Đại số

Bài 1. Thu gọn các đơn thức sau rồi chỉ rõ hệ số, phần biến và bậc của chúng.

a) $A = 5xy(-2)x^2y^4$

b) $B = -2xy^5(-x^2y^4)(6x^2y)$

c) $C = -\frac{3}{4}x^5y^4(xy^2)\left(-\frac{8}{3}x^2y^3\right)$

d) $D = \frac{1}{2}x^5y^4(-2xy^2)^2(6xy^3z)$

Bài 2. Thu gọn rồi tính giá trị của các đơn thức sau tại $x = -1$ và $y = 2$:

$$M = -2xy^2 \cdot \frac{3}{4}x^2y \qquad P = \left(\frac{-1}{4}x^5y\right) \cdot (-2xy^2)$$

Bài 3. Rút gọn các biểu thức sau:

a) $A = xy - 3x^2y^2 + x^4 - 5y^5 - (x^4 - 5y^5 - 2x^2y^2 - xy)$

b) $B = 3x(y - 2) - 5x(1 - x) - 8y(x + y)$

c) $C = (x + y)(x - y) + (xy^4 - x^3y^2) : xy^2$

d) $D = (3x + 2y)(9x^2 - 6xy + 4y^2) - \left(3x^5y + \frac{8}{9}x^2y^4\right) : \frac{1}{9}x^2y$

e) $E = (4x - 1)(6y + 1) - 5y\left(8x - \frac{6}{5}\right)$

f) $F = 3(x - 1)(x - 2) - x(3x + 1)(1 - x)$

Bài 4. Cho hai đa thức: $A = 2x^2 - 2xy - y^2$; $B = x^2 + 2xy + y^2 - 1$

a) Tìm đa thức $C = A + B$; $D = A - B$

b) Tìm bậc và hệ số tự do của đa thức C và D

c) Tính giá trị của đa thức C tại $x = 1$; $y = -2$

Bài 5. Tìm đa thức M và N biết:

a) $M + 5x^2 - 2xy = 6x^2 + 9xy - y^2$

b) $N - (5y^2 - xyz) = xy + 2y^2 - 3xyz + 4$

Bài 6. Chứng minh giá trị của các biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến:

a) $(x - 5)(2x + 3) - 2x(x - 3) + x + 7$

b) $(x - 3y)(x^2 + 3xy + 9) - (x + 2y)(x^2 - 2xy + 4y^2) + 35(y - 1)(y^2 + y + 1)$

c) $2(x - y)(x + y) + (x + y)(x + y) + (x - y)(x - y) - 4x^2$

d) $(x - 1)(x^2 + x + 1) + 2(x - 2)(x + 2) - x^2(2 + x)$

Bài 7. Tìm x , biết:

a) $3x + 7 - 5x - 3 = 2024$

b) $(5x^2 + 4) - (7x + 5x^2) = 18$

c) $x(x - 5) - (x - 4)^2 = 7x + 4$

d) $(3x + 2)^2 - 9(x + 5)(x - 5) = 115 - 5x$

e) $-4x^2(x - 7) + 4x(x^2 - 5) = 28x^2 - 13$

f) $(2x - 1)^2 - (4 + 3x)^2 = 0$

Bài 8. Phân tích các đa thức sau thành nhân tử:

a) $x^3 + 3x^2 + 3x + 1$ b) $16x^2 - 25$ c) $x^3 - y^3 + 3x^2y - 3xy^2$ d) $2x^2 - 8y^2$

e) $x^2 - 2xy + y^2 - 4$ f) $5x^2 - 10xy + 5y^2 - 20z^2$ g) $x^3 - x^2 - 14x + 24$

Bài 9. Bác Hùng có một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng x (m) và chiều dài là y (m).

a) Viết đa thức biểu thị chu vi của mảnh vườn.

b) Nếu tăng chiều rộng lên 4m, và giảm chiều dài đi 3m thì được mảnh vườn mới. Viết biểu thức biểu thị diện tích của mảnh vườn mới.

c) Nếu mảnh vườn đó bác Hùng trồng rau để bán biết $x = 6m$; $y = 10m$ và mỗi mét vuông rau thu hoạch bán được 150000 đồng thì cả mảnh vườn rau bán được bao nhiêu tiền?

Bài 10. Ao Bà Om, hay Ao Vuông, là một thắng cảnh độc đáo và nổi tiếng ở tỉnh Trà Vinh, Việt Nam. Mặt nước ao trong xanh và phẳng lặng được phủ bởi hoa sen, hoa súng. Ao được bao bọc xung quanh bởi các gò cát mấp mô với các hàng cây sao, cây dầu cổ thụ hàng trăm năm tuổi có rễ nổi lên khỏi mặt đất tạo nên những hình thù kì lạ. Ao có hình chữ nhật, rộng x mét, dài $(x + 200)$ mét, được đào ở trung tâm miếng đất hình vuông có cạnh là $(x + 400)$ mét.



a) Tính diện tích của ao.
b) Tính diện tích phần còn lại sau khi đã đào ao.

Bài 11*. Tính giá trị của các biểu thức sau một cách hợp lí nhất:

a) $A = x^{13} - 9x^{12} + 9x^{11} - 9x^{10} + \dots - 9x^2 + 9x - 2$ với $x = 8$

b) $B = x^2(x + y) - y^2(x + y) + x^2 - y^2 + 2(x + y) + 3$ khi $x + y + 1 = 0$

Bài 12*. Xác định a, b để hai biểu thức $M = (x + a)(x^2 - 2x + b)$ và $N = x^3 + 8$ có giá trị bằng nhau với mọi giá trị của biến x .

Bài 13*. Tìm giá trị nhỏ nhất của các biểu thức sau:

a) $M = x^2 - 4x + 7$

b) $N = x^2 + 8x$

c) $P = (x - 1)(x + 3) - 2023$

Bài 14*. Tìm giá trị lớn nhất của các biểu thức sau:

a) $G = 4x - x^2 + 3$

b) $H = -2x^2 + 8x - 15$

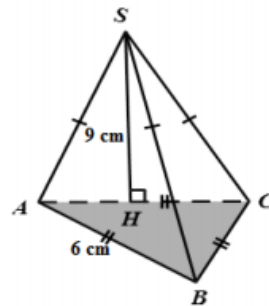
Phần 2. Hình học

Bài 1. Cho hình chóp tam giác đều $S.ABC$ với các kích thước như hình vẽ.

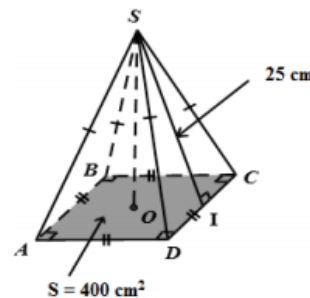
a) Tính chu vi ΔABC

b) Cho biết độ dài trung đoạn của hình chóp đó.

c) Tính diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều đó.



Bài 2. Cho hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$ có diện tích đáy là 400cm^2 , trung đoạn $SI = 25\text{cm}$. Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình chóp đó, biết $OI = \frac{1}{2}AB$

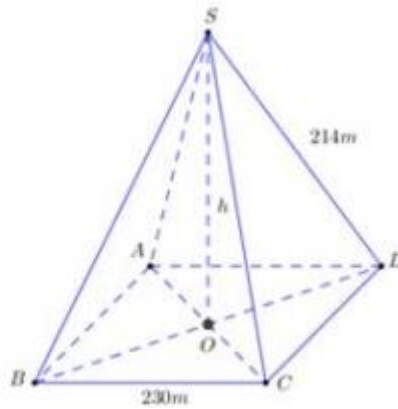


Bài 3. Kim tự tháp Kheops – Ai Cập có dạng hình chóp đều, đáy là hình vuông, các mặt bên là các tam giác cân chung đỉnh (như hình vẽ). Chiều cao của kim tự tháp là 139m, cạnh đáy của nó dài 230m.

a) Tính thể tích của kim tự tháp đó (làm tròn đến hàng nghìn)

b) Giả sử người ta muốn “làm đẹp” cho kim tự tháp đó bằng cách dùng gạch men phẳng để ốp phủ kín toàn bộ bề mặt kim tự tháp thì phải dùng tối thiểu bao nhiêu mét vuông

gạch men? Biết độ dài trung đoạn của kim tự tháp là 180m.



Bài 4. Cho tam giác ABC vuông tại A, có $AB = 6\text{cm}$, $AC = 8\text{cm}$

- Tính độ dài BC
- Kẻ đường cao AH. Biết $AH = 4,8\text{cm}$. Tính BH, CH.

Bài 5. Cho ΔABC cân tại A, các đường phân giác BD, CE ($D \in AC$, $E \in AB$).

- Chứng minh ΔADE cân.
- Chứng minh BEDC là hình thang cân.
- Tính các góc của hình thang cân BEDC, biết $\angle ACB = 50^\circ$.

Bài 6. Cho hình bình hành ABCD, đường chéo BD. Gọi H và K theo thứ tự là chân đường vuông góc kẻ từ A và C đến BD.

- Chứng minh tứ giác AHCK là hình bình hành.
- Gọi M là giao điểm của AK và BC, N là giao điểm của CH và AD. Chứng minh $AN = CM$.
- Gọi O là trung điểm của HK. Chứng minh 3 điểm O, M, N thẳng hàng.

Bài 7. Cho ΔABC , các đường cao BH và CK cắt nhau tại E. Đường thẳng vuông góc với AB tại B và đường thẳng vuông góc với AC tại C cắt nhau tại D. Gọi M là trung điểm của BC.

- Tứ giác BDCE là hình gì? Vì sao?
- Chứng minh M là trung điểm của DE.
- Chứng minh $\angle BAC + \angle BDC = 180^\circ$.
- ΔABC thỏa mãn điều kiện gì thì đường thẳng DE đi qua điểm A?

Bài 8. Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$, $AB < CD$), các đường cao AH, BK

- Chứng minh: $DH = CK$
- Gọi N là điểm đối xứng với D qua H. Chứng minh: ABCN là hình bình hành.
- Tính diện tích tứ giác ABCD, biết $AB = 6\text{cm}$, $AH = 4\text{cm}$, $DH = 3\text{cm}$.



Bài 9. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (Lăng Bác) tại quảng trường Ba Đình – Hà Nội được khánh thành ngày 29/8/1975, trước Lăng có một cột cờ rất cao, trên đỉnh cột cờ luôn tung bay lá cờ Tổ quốc Việt Nam. Vào thời điểm có tia nắng mặt trời chiếu xuống ta thường nhìn thấy bóng của cột cờ dưới sân Quảng trường Ba Đình. Người ta đo được chiều dài của cái bóng cột cờ là đoạn $BH = 40\text{m}$ và tính được khoảng cách từ đỉnh cột cờ đến đỉnh của cái bóng của nó là đoạn AB

= 50m (như hình vẽ bên). Em hãy tính chiều cao của cột cờ trước Lăng Bác (độ dài đoạn AH). Biết rằng cột cờ được dựng vuông góc với mặt đất.

MÔN KHTN

PHẦN I: LÝ THUYẾT

Nội dung từ Bài 1 – Bài 8.

1. Nhận biết một số dụng cụ và nêu quy tắc sử dụng hoá chất an toàn trong phòng thí nghiệm.
2. Phân biệt sự biến đổi vật lí, biến đổi hoá học.
3. Khái niệm phản ứng hóa học và nêu dấu hiệu nhận biết có phản ứng hóa học xảy ra.
4. Nêu khái niệm về phản ứng tỏa nhiệt và phản ứng thu nhiệt. Cho ví dụ minh họa. Trình bày ứng dụng của phản ứng tỏa nhiệt.

5. a) Nêu khái niệm dung dịch.

b) Nêu định nghĩa độ tan của một chất trong nước, nồng độ phần trăm và nồng độ mol.

6. Viết công thức tính, ghi chú thích và đơn vị của các đại lượng.

a) $n = \frac{\dots\dots}{M}$; $n = \frac{V}{\dots\dots}$; $n = \frac{A}{\dots\dots\dots}$

b) $m = \dots \times n$; $M = \frac{m}{\dots\dots\dots}$

c) $V_{\text{khí}} = 24,79 \times \dots\dots$ (điều kiện chuẩn);

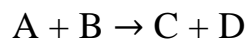
d) $d_{A/B} = \dots\dots\dots$; $d_{A/\text{không khí}} = \dots\dots\dots$

e) $S = \dots\dots\dots$; $C\% = \dots\dots\dots$; $C_M = \dots\dots\dots$

f) $H = \dots\dots\dots$

7. Nêu nội dung định luật bảo toàn khối lượng.

Cho PƯHH tổng quát:



Viết biểu thức của định luật bảo toàn khối lượng cho phản ứng trên:

.....

8. Nêu các bước tính theo phương trình hóa học.

9. Nêu khái niệm tốc độ phản ứng, trình bày một số yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng và nêu một số ứng dụng thực tế.

10. Nêu khái niệm acid (tạo ra ion H^+) và trình bày ứng dụng của HCl, H_2SO_4 , CH_3COOH .

PHẦN II: BÀI TẬP

I. Xem lại các bài tập trong SGK KHTN 8 (Đến hết Bài 8: Acid)

II. Bài tập luyện thêm:

A. Trắc nghiệm:

Chọn phương án đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1: Dụng cụ ở hình bên có tên gọi là gì và thường dùng để làm gì?

- A. Bơm khí dùng để bơm không khí vào ống nghiệm.
- B. Bơm tiêm, dùng truyền hóa chất cho cây.
- C. Bơm hóa chất, dùng để làm thí nghiệm.
- D. Ống hút nhỏ giọt, dùng lấy hóa chất.



Câu 2: Cách bảo quản hóa chất trong phòng thí nghiệm:

- A. Hóa chất trong phòng thí nghiệm thường đựng trong lọ có dán nhãn ghi tên hóa chất.
- B. Hóa chất dùng xong nếu còn thừa, phải đổ trở lại bình chứa.
- C. Hóa chất trong phòng thí nghiệm thường đựng trong lọ có nút đậy kín, phía ngoài có dán nhãn ghi tên hóa chất.
- D. Nếu hóa chất có tính độc hại không cần ghi chú trên nhãn riêng nhưng phải đặt ở khu vực riêng.

Câu 3: Biến đổi hóa học là

- A. chất biến đổi mà vẫn giữ nguyên là chất ban đầu.
- B. chất biến đổi có tạo ra chất khác.
- C. chất bị biến đổi về trạng thái, kích thước.
- D. chất bị hòa tan trong nước.

Câu 4: Quá trình đốt cháy dầu là phản ứng tỏa nhiệt được ứng dụng để:

- A. đun nấu, sưởi ấm, nung gốm sứ.
- B. chạy động cơ, đun nấu.
- C. hàn cắt kim loại, để chạy động cơ.
- D. đun nấu, sưởi ấm, hàn cắt kim loại.

Câu 5: Biến đổi nào sau đây là biến đổi hóa học?

- A. Cơm bị ôi thiu.
- B. Rửa rau bằng nước lạnh.
- C. Cầu vồng xuất hiện sau mưa.
- D. Hoà tan muối ăn vào nước.

Câu 6: Khi thổi hơi thở vào dung dịch calcium hydroxide (nước vôi trong). Hiện tượng quan sát được trong ống nghiệm chứa dung dịch calcium hydroxide là

- A. dung dịch chuyển màu đỏ.
- C. dung dịch bị vẩn đục.
- B. dung dịch không có hiện tượng.
- D. dung dịch chuyển màu xanh.

Câu 7: Trong các quá trình sau, quá trình nào xảy ra phản ứng thu nhiệt?

- A. Phản ứng đốt cháy xăng dầu trong động cơ tạo ra năng lượng dưới dạng nhiệt để vận hành xe cộ, máy móc,...
- B. Khi sản xuất vôi, người ta phải liên tục cung cấp nhiệt để thực hiện phản ứng phân hủy đá vôi.
- C. Phản ứng khi cho một ít vôi sống vào cốc nước, vôi sống trở nên dẻo quánh và thấy cốc nước nóng lên.
- D. Quá trình hô hấp tạo ra phản ứng tỏa nhiệt bên trong các tế bào trong quá trình trao đổi khí.

Câu 8: Tốc độ phản ứng **không** phụ thuộc yếu tố nào sau đây?

- A. Thời gian xảy ra phản ứng hóa học. B. Bề mặt tiếp xúc giữa các chất phản ứng.
C. Nồng độ chất tham gia phản ứng. D. Chất xúc tác và nhiệt độ.

Câu 9: Yếu tố nào dưới đây được sử dụng để làm tăng tốc độ phản ứng khi rắc men vào tinh bột đã được nấu chín để ủ ethanol (rượu)?

- A. Nhiệt độ. B. Áp suất. C. Nồng độ. D. Xúc tác.

Câu 10: Theo Arrhenius, acid là

- A. chất khi tan trong nước phân li ra cation H^+ .
B. chất khi tan trong nước phân li ra anion OH^- .
C. chất khi tan trong nước phân li ra cation kim loại.
D. chất khi tan trong nước phân li ra anion phi kim.

Câu 11: Chọn từ còn thiếu vào chỗ trống:

“Trong một phản ứng hóa học, ... (1) ... khối lượng của các sản phẩm bằng ... (2) ... khối lượng của các chất phản ứng.”

- A. (1) tổng, (2) tích. B. (1) tích, (2) tổng.
C. (1) tổng, (2) tổng. D. (1) tích, (2) tích.

Câu 12: Số mol nguyên tử Zn tương ứng $3,0 \cdot 10^{23}$ nguyên tử Zn là

- A. 0,2 mol. B. 0,3 mol. C. 0,5 mol. D. 0,6 mol.

Câu 13: Khối lượng của 7,437 lít khí SO_2 ở điều kiện chuẩn là

- A. 19,2 gam. B. 9,2 gam. C. 6,4 gam. D. 8 gam.

Câu 14: Thể tích của 5,6 gam C_2H_4 ở điều kiện chuẩn là

- A. 7,437 L. B. 0,7437 L. C. 4,958 L. D. 0,4958 L.

Câu 15: Hợp chất khí X có tỉ khối so với hydrogen bằng 22. Công thức hóa học của X có thể là

- A. NO_2 B. CO_2 C. NH_3 D. NO

Câu 16: Cho X có $d_{X/kk} = 1,52$. Vậy X là chất nào?

- A. CO . B. NO . C. N_2O . D. N_2 .

Câu 17: Cho sơ đồ phản ứng: $Fe_3O_4 + ?HCl \rightarrow 2FeCl_3 + FeCl_2 + 4H_2O$

Cần điền hệ số nào sau đây để hoàn thành PTHH của phản ứng trên?

- A. 8. B. 6. C. 5. D. 4.

Câu 18: Cho sơ đồ phản ứng:



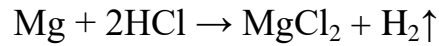
Hệ số và công thức hóa học còn thiếu là

- A. $ZnCl$. B. $2ZnCl$. C. $ZnCl_2$. D. Zn_2Cl_2 .

Câu 19: Để đốt cháy hoàn toàn a gam Al cần dùng hết 19,2 gam oxygen. Phản ứng kết thúc thu được sản phẩm là Al_2O_3 . Giá trị của a là

- A. 43,2 gam. B. 21,6 gam. C. 15,4 gam. D. 10,8 gam.

Câu 20: Magnesium tác dụng với hydrochloric acid:



Nếu có 6 gam Mg tham gia phản ứng, thể tích khí hydrogen thu được ở điều kiện chuẩn là
A. 6,1975 lít. B. 12,395 lít. C. 24,79 lít. D. 37,185 lít.

Câu 21: Ở 20°C hoà tan 40 gam KNO₃ vào trong 95 gam nước thì được dung dịch bão hoà. Độ tan của KNO₃ ở nhiệt độ 20°C là:

A. 40,1 gam. B. 44, 2 gam. C. 42,1 gam. D. 43,5 gam.

Câu 22: Trong 400 ml dung dịch có chứa 19,6 gam H₂SO₄. Nồng độ mol của dung dịch thu được là:

A. 0,2 M. B. 0,3 M. C. 0,4M. D. 0,5 M.

Câu 23: Hoà tan 20 gam NaCl vào 60 gam nước. Nồng độ phần trăm của dung dịch thu được là

A. 33,3%. B. 30%. C. 28%. D. 25%.

Câu 24: Hoà tan 40 gam NaOH vào nước để có được một dd NaOH có nồng độ 8%. Khối lượng dung dịch NaOH là

A. 32 gam. B. 35 gam. C. 45 gam. D. 50 gam.

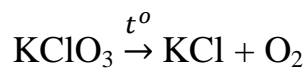
Câu 25: Khối lượng HCl có trong 150 ml dung dịch HCl 2M là

A. 10,95 gam. B. 8 gam. C. 5,95 gam. D. 3 gam.

Câu 26: Cho 2,8 gam kim loại Iron (Fe) tác dụng đủ với 9,2 gam dung dịch hydrochloric HCl. Sau phản ứng thu được **m** gam dung dịch muối Iron(II) chloride (FeCl₂) và giải phóng 0,1 gam khí hydrogen. Giá trị của **m** là

A. 6,4 gam. B. 10,9 gam. C. 11,9 gam. D. 12 gam.

Câu 27: Nhiệt phân 19,6 gam KClO₃ thu được 0,18 mol O₂. Biết rằng phản ứng nhiệt phân KClO₃ xảy ra theo sơ đồ sau:



Hiệu suất phản ứng nhiệt phân là

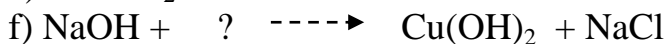
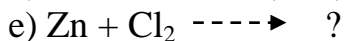
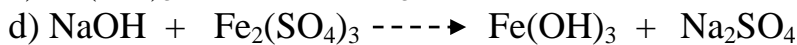
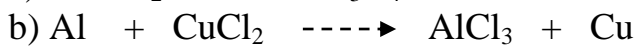
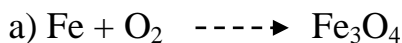
A. 25%. B. 50%. C. 75%. D. 60%.

Câu 28: Nung 10 gam calcium carbonate (CaCO₃) thu được **m** gam vôi sống (CaO) và khí carbon dioxide (CO₂). Nếu hiệu suất phản ứng là 80% thì giá trị của **m** là

A. 8,48 gam. B. 8 gam. C. 5,6 gam. D. 4,48 gam.

B. Tư luận:

Câu 1: Lập PTHH cho các phản ứng sau:



g) ? + ? -----► FeCl₃

Câu 2: Nung 4,9 gam KClO₃ (potassium chlorate) có xúc tác thu được 2,98 gam KCl (Potassium chloride) và O₂ (khí oxygen).

- Viết PTHH của phản ứng.
- Tính hiệu suất của phản ứng.
- Tính thể tích khí oxygen thu được ở điều kiện chuẩn.

Câu 3: Cho 13 gam kẽm (Zn) tác dụng với một lượng vừa đủ dung dịch HCl 10% tạo thành muối zinc chloride (ZnCl₂) và khí hydrogen (H₂).

- Viết PTHH của phản ứng.
- Tính thể tích khí hydrogen thu được ở điều kiện chuẩn.
- Tính khối lượng dung dịch HCl 10% cần dùng.
- Tính C% của dung dịch thu được sau phản ứng

Câu 4: Hòa tan hoàn toàn 28,8 gam magnesium (Mg) bằng dung dịch hydrochloric acid (HCl) 1,5 M tạo thành muối magnesium chloride (MgCl₂) và khí hydrogen (H₂).

- Viết PTHH của phản ứng.
- Tính thể tích khí hydrogen thu được ở điều kiện chuẩn.
- Tính thể tích dung dịch hydrochloric acid 1,5 M đã dùng
- Tính C_M của muối magnesium chloride tạo thành.
(Coi thể tích dung dịch không thay đổi).

Câu 5: Em hãy giải thích khi leo núi cao thì lại thấy tức ngực, khó thở.

Câu 6: Trong thực tế để bảo quản cá thịt, người ta thường dùng những phương pháp nào? Vì sao?

----- Hết -----

MÔN TIN HỌC

I. TRẮC NGHIỆM: (Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Sản phẩm được phát minh, sáng chế vào năm 1642 là

- A. Máy tính Z1 B. Máy tính Z2 C. Máy Turing D. Máy tính Pascaline

Câu 2. Máy tính được Babbage thiết kế để làm gì?

- A. Thực hiện phép cộng B. Thực hiện phép trừ
C. Thực hiện bốn phép tính số học D. Có thêm ứng dụng ngoài bốn phép tính.

Câu 3. Nguyên lý nào đã đặt nền móng cho sự phát triển của máy tính điện tử?

- A. Nguyên lý Von Neumann B. Nguyên lý năng lượng mặt trời
C. Nguyên lý Archimedes D. Đáp án khác

Câu 4. Theo em, máy tính thu nhỏ dần kích thước tới mức như một điện thoại thông minh thì có ưu điểm gì?

- A. Kích thước nhỏ B. Dễ sử dụng
C. Chạy nhanh và đáng tin cậy D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 5. Máy tính điện tử đã phát triển qua mấy thế hệ?

- A. Năm thế hệ B. Ba thế hệ C. Bốn thế hệ D. Sáu thế hệ

Câu 6. Máy tính thế hệ thứ nhất có tốc độ xử lý phép tính mỗi giây

- A. Vài chục nghìn B. Vài nghìn C. Hàng triệu D. Hàng tỉ

Câu 7. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ nhất là loại linh kiện điện tử:

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Bóng bán dẫn
- C. Mạch tích hợp
- D. Mạch tích hợp cỡ rất lớn.

Câu 8. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ hai là loại linh kiện điện tử:

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Bóng bán dẫn
- C. Mạch tích hợp
- D. Mạch tích hợp cỡ rất lớn,

Câu 9. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ ba là loại linh kiện điện tử:

- A. Bóng bán dẫn
- B. Đèn điện tử chân không
- C. Mạch tích hợp
- D. Bộ vi xử lí

Câu 10. Thế hệ máy tính nào bắt đầu sử dụng bàn phím và màn hình?

- A. Thế hệ đầu tiên
- B. Thế hệ thứ hai
- C. Thế hệ thứ ba
- D. Thế hệ thứ tư.

Câu 11. Em hãy chọn phương án ghép đúng:

Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn,

- A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.
- B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.
- C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.
- D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.

Câu 12. Chọn đáp án sai. Việc xác định thông tin đáng tin cậy và biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy rất quan trọng vì:

- A. Thông tin đáng tin cậy giúp em đưa ra những quyết định đúng đắn.
- B. Thông tin đồn thổi dễ dẫn đến kết luận đúng đắn.
- C. Thông tin thiếu kiểm chứng dẫn em đến quyết định sai lầm.
- D. Thông tin không trung thực, mang tính chất lừa dối

Câu 13. Để tìm hiểu về cách sử dụng một chiếc máy ảnh mới, nguồn thông tin nào sau đây cần được tham khảo nhất?

- A. Hướng dẫn của một người đã từng chụp ảnh.
- B. Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- C. Hướng dẫn sử dụng của một người giỏi Tin học.
- D. Câu trả lời trên một số diễn đàn về chụp ảnh.

Câu 14. Để tìm hiểu về một đội bóng đá ở Châu Phi, nguồn thông tin nào sau đây đáng tin cậy nhất?

- A. Nguồn tin từ câu lạc bộ người hâm mộ đội bóng đó.
- B. Nguồn tin từ câu lạc bộ của đội bóng đối thủ.
- C. Nguồn tin từ Liên đoàn bóng đá Châu Phi.
- D. Nguồn tin từ diễn đàn Bóng đá Việt Nam.

Câu 15. Ví dụ phát biểu: “Tôi nghĩ đây là bộ phim hoạt hình hay nhất mọi thời đại”. Em chọn gợi ý nào sau đây để giúp em xác định được thông tin đáng tin cậy hay không?

- A. Xác định nguồn thông tin.
- B. Đánh giá tính thời sự của thông tin.
- C. Kiểm tra chứng cứ của kết luận.
- D. Phân biệt ý kiến và sự kiện.

Câu 16. Mức độ tin cậy của thông tin, phù hợp với các tiêu chí đánh giá như mục đích, chứng cứ, thời gian và:

A. Nguồn gốc. B. Giá tiền C. Độ lan toả. D. Số lượt xem

Câu 17. Hành động nào sau đây không vi phạm đạo đức và pháp luật?

- A. Đăng tải thông tin sai sự thật lên mạng.
- B. Cố ý nghe, ghi âm trái phép các cuộc trò chuyện.
- C. Tải 1 bài trình chiếu của người khác từ internet và sử dụng như là của mình tạo ra.
- D. Tặng đĩa nhạc có bản quyền em đã mua cho người khác.

Câu 18. Hành động nào dưới đây là không vi phạm đạo đức, pháp luật và văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.

- A. Chia sẻ thông tin mua bán động vật hoang dã quý hiếm.
- B. Quay và lan truyền video bạo lực học đường.
- C. Sáng tác một bài thơ về lớp và gửi bạn bè cùng đọc.
- D. Tham gia cá cược bóng đá qua internet.

Câu 19. Thông tin trong những trường hợp nào sau đây là không đáng tin cậy?

- A. Thông tin trên website có tên miền là .gov.
- B. Bài viết cá nhân đăng tải trên mạng xã hội với mục đích bôi nhọ người khác.
- C. Bài viết hướng dẫn phòng tránh dịch bệnh trên trang web của cơ quan y tế.
- D. Bài viết trên tài khoản mạng xã hội của một nhà báo có uy tín và có trích dẫn nguồn thông tin từ trang web của Chính phủ.

Câu 20. Khi khai thác thông tin trên Internet, em sẽ dựa vào yếu tố nào để xác định được độ tin cậy của thông tin?

- A. Tác giả viết bài là người có uy tín, trách nhiệm, trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực của bài viết.
- B. Bài viết có trích dẫn dẫn chứng, nguồn thông tin sử dụng trong bài.
- C. Nguồn thông tin từ cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
- D. Tất cả đáp án trên.

Câu 21. Trang thông tin của cơ quan chính phủ có tên miền là?

- A. gov.vn B. even.com.vn C. .html D. Đáp án khác

Câu 22. Hành động nào dưới đây vi phạm pháp luật khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số?

- A. Đăng tải hình ảnh gia đình sum họp ngày Tết.
- B. Chặn các hình ảnh, video về cá cược bóng đá qua Internet.
- C. Chia sẻ thông tin mua bán động vật hoang dã quý hiếm.
- D. Bình luận chào hỏi trên Facebook.

Câu 23. Tình huống nào dưới đây là vi phạm quy định của pháp luật?

- A. Nghe nhạc to ở nơi công cộng.
- B. Khách du lịch tự ý quay phim, chụp ảnh ở khu vực quốc phòng, an ninh.
- C. Minh tự ý sử dụng điện thoại thông minh để làm bài tập trên lớp.
- D. My lén dùng điện thoại để lướt Facebook trong tiết học.

Câu 24. Sao chép, chỉnh sửa, chia sẻ sản phẩm số khi chưa được phép là

- A. vi phạm bản quyền. B. vi phạm danh dự, nhân phẩm người khác.
- C. vi phạm quyền riêng tư. D. vi phạm quyền sáng tác.

Câu 25. Khi tìm kiếm thông tin cần?

- A. Tìm các thông tin không có nguồn gốc rõ ràng.
- B. Tìm các thông tin có nguồn gốc rõ ràng.

- C. Tìm kiếm các thông tin được đăng tải từ rất lâu.
- D. Tìm các thông tin trên các trang không uy tín.

II. TƯ LUẬN:

Câu 1. Em hãy vẽ lại sơ đồ cấu trúc máy tính của Von Neumann?

Theo em, điều gì giúp máy tính trở nên gọn nhẹ hơn, nhanh hơn, thông minh hơn?

Câu 2. Hãy sắp xếp các thiết bị dưới đây theo trình tự của quá trình phát triển các thế hệ máy tính điện tử và liệt kê các thế hệ máy tính và công nghệ được sử dụng tương ứng. Vì sao máy tính cá nhân ngày càng trở nên thông dụng?



a) Altair 8800.
Vi xử lý



b) IBM.
Bóng bán dẫn



c) IBM 370.
Mạch tích hợp



d) ENIAC.
Đèn điện tử chân không



e) Điện thoại thông minh

Câu 3. Em hãy kể một ví dụ về tin đồn (trong cuộc sống hoặc trên mạng) và cho biết:

- a) Tin đồn đó xuất hiện từ sự việc nào?
- b) Tác hại của tin đồn đó là gì?

Câu 4. Theo em, khi tạo ra một sản phẩm số như bài viết, video, tranh quảng cáo,... cần phải tránh những gì? Vì sao?

Câu 5. Em hãy nêu ví dụ về máy tính làm thay đổi các lĩnh vực khác như: văn hoá, giáo dục, y tế, giao thông, thương mại, du lịch, giải trí, ...

Câu 6. Nêu một vài hành động chưa đúng của em khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số mà em đã mắc phải. Nêu cách em sẽ phòng tránh hoặc từ bỏ vi phạm.

-----HẾT-----
(Chúc các con ôn thi tốt)

MÔN NGỮ VĂN

Ôn tập kiến thức đã học từ tuần 1 đến tuần 8 (SGK Ngữ văn 8 tập 1)

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Phần I: Đọc

- Các thể loại: truyện lịch sử, thơ Đường luật

* Yêu cầu về văn bản :

- Nhận biết được một số đặc điểm của thể loại truyện lịch sử: bối cảnh lịch sử, cốt truyện, thế giới nhân vật, ngôn ngữ nhân vật trong truyện lịch sử...
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đặc điểm nhân vật, đề tài, chủ đề của tác phẩm...
- Tóm tắt được văn bản, các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản có nhiều đoạn. Hiểu và trình bày được ý nghĩa các chi tiết, nhân vật trong văn bản
- Nhận biết được một số đặc điểm của thơ Đường luật:
 - + Thất ngôn bát cú Đường luật: bố cục, luật bằng trắc, niêm, vần và nhịp, đối
 - + Tứ tuyệt Đường luật: bố cục, luật bằng trắc, niêm, vần và nhịp.
- Chỉ ra được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tế

Phần II: Tiếng Việt

1. Biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương, từ tượng hình, từ tượng thanh
2. Biện pháp tu từ đảo ngữ và các biện pháp tu từ đã học

* Yêu cầu về Tiếng Việt

- Nhận diện được đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản trong văn bản
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức trong văn bản.
- Vận dụng kiến thức trong đặt câu và viết văn.

Phần III: Viết

1. Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa)
2. Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

*Yêu cầu:

- Vận dụng các kỹ năng viết bài văn đảm bảo theo các bước đã học
- Xác định được trình tự và xây dựng bố cục bài văn
- Biết vận dụng các kỹ năng đó vào tạo lập văn bản.

Các dạng bài đánh giá kiểm tra giữa học kì:

1. Dạng bài trắc nghiệm: (2 điểm) 8 câu trắc nghiệm (sẽ xoay quanh những câu hỏi liên quan đến kiến thức ngữ liệu (văn bản, bài thơ).

2. Dạng bài tự luận: (8 điểm)

a- Một số câu hỏi tự luận sẽ xoay quanh những câu hỏi liên quan đến kiến thức ở trên: sẽ xoay quanh những câu hỏi liên quan đến kiến thức ngữ liệu (văn bản, bài thơ).

b. Dạng bài viết:

- Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan 1 di tích lịch sử, văn hóa)
- Viết bài văn phân tích 1 tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)
- Viết vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết một số vấn đề xã hội có liên quan

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

Bài 1. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược Mông Cổ, Trần Thủ Độ có vai trò hết sức quan trọng. Tháng 12 năm Đinh Tỵ (tức tháng 1 – 1258), quân Mông Cổ sau khi tiêu diệt nước Đại Lý (Vân Nam), đã tiến vào lưu vực sông Hồng. Thế giặc rất mạnh. Quân Đại Việt bị đánh lui, vua Thái Tông phải bỏ Thăng Long rút xuống phía nam. Vua ngự thuyền nhỏ đến thuyền em ruột là Thái úy Trần Nhật Hạo hỏi kế. Nhật Hạo lấy ngón tay chấm nước viết hai chữ “Nhập Tống” ở mạn thuyền, ý khuyên vua nên chạy sang nhờ vả nước Tống. Vua bèn rời thuyền đến hỏi Thái sư Trần Thủ Độ, Trần Thủ Độ trả lời:

- *Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo!*

Vào lúc gay go nhất của cuộc kháng chiến, câu trả lời danh thép ấy của ông đã giữ vững được tinh thần giáng đánh và quyết thắng của quân dân Đại Việt trong cuộc phản công quyết liệt đánh vào Đông Bộ Đầu ngày 29 – 1 – 1258, buộc địch phải rút chạy về nước.

Trần Thủ Độ xứng đáng được xếp vào hàng những nhân vật kiệt xuất, đi đầu trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước trong lịch sử dân tộc.

(Hà Ân – Trần Quốc Vượng)

Câu 1. Bối cảnh lịch sử của đoạn trích trên ?

Câu 2. Truyện được kể ở ngôi thứ mấy? Tác dụng?

Câu 3. Câu nói “Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo!” thể hiện thái độ gì của nhân vật Thái sư Trần Thủ Độ khi vua Thái Tông hỏi kế đánh giặc?

Câu 4. Qua đoạn trích trên, em thấy nhân vật Thái sư Trần Thủ Độ là người như thế nào? Trình bày cảm nhận của em về nhân vật bằng một đoạn văn từ 6 - 8 câu. Trong đó có sử dụng ít nhất 01 biệt ngữ xã hội (gạch chân, chú thích rõ)

Câu 5. Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (2/3 trang giấy thi) em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay.

Bài 2. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

CHÀNG TRAI LÀNG PHÙ ỨNG

Ông Phạm Ngũ Lão là chàng trai làng Phù Ứng, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Ông có sức khỏe lạ thường, muôn người không địch nổi.

Phạm Ngũ Lão mặt mũi khôi ngô, văn võ đều giỏi. Nhà vốn chỉ có nghề làm ruộng, đến ông mới theo nghiệp bút nghiên. Mới hai mươi tuổi ông đã có tính khảng khái. Trong làng có người tên là Bùi Công Tiến đồ tiến sĩ làm lễ ăn mừng, cả làng kéo đến mừng rỡ, chỉ Ngũ Lão không đến.

Bà mẹ Ngũ Lão bảo rằng:

- Con làm thế nào cho bằng người ta thì làm. Nay người ta ăn mừng, cả làng mừng rỡ, sao con không đến mừng một chút?

Phạm Ngũ Lão thưa rằng:

Thưa mẹ, con chưa làm nên gì để vui lòng mẹ mà con đi mừng người ta thì con lấy làm nhục lắm.

Nhà ở bên cạnh đường cái, có một hôm, Phạm Ngũ Lão ngồi vệ đường vót tre đan sọt. Chợt có Hưng Đạo Vương đi qua để vào kinh, quan quân kéo đi rất đông. Quân đi mở đường thấy Ngũ Lão ngồi xếp bằng tròn bên cạnh đường, quát lên bắt phải đứng dậy. Ngũ Lão cứ ngồi nghiêm nhiên như không nghe tiếng. Quân lính cầm ngọn giáo đâm vào đùi, Ngũ Lão cũng cứ ngồi vững không động mình. Đến lúc xe Hưng Đạo Vương đến nơi, trông thấy thế lấy làm lạ gọi đến hỏi, bấy giờ Ngũ Lão mới biết là có quan quân đi qua, và quân lính đã đâm vào đùi mình.

Hưng Đạo Vương hỏi rằng:

- Nhà thầy kia ở đâu, sao ta đi qua đây mà cứ ngồi chững chàng làm vậy?

Ngũ Lão thưa rằng:

- Tôi đang mài nghề một việc, cho nên không biết là ngài trải qua đây.

Hưng Đạo Vương lấy làm kì, hỏi đến việc học hành kinh sử thì hỏi đâu nói đấy, không sót chỗ nào, ứng đối nhanh như nước chảy.

Hưng Đạo Vương bèn sai quân lấy thuốc dấp dính vào vết đâm, rồi cho Ngũ Lão ngồi xe đem về kinh, tiến cử lên vua Trần Thánh Tông.

Vua thấy người có sức khỏe, lại có học thức, cho sung chức quản vệ sĩ. Các vệ sĩ không chịu, xin đấu sức với Ngũ Lão. Ngũ Lão xin vâng, nhưng xin vua cho về nhà ba tháng để thu xếp việc nhà, rồi sẽ xin đấu sức và nhận chức luôn thể.

Vua cho về, Ngũ Lão về nhà, ra ngoài đồng, tìm chỗ gò cao tập nhảy, cứ cách mười trượng chạy đến nhảy vọt qua gò. Tập luyện xong xuôi rồi, vào kinh đấu sức.

Khi đấu quyền với các vệ sĩ thì không ai địch nổi. Sau Ngũ Lão thách tất cả các vệ sĩ cùng ra đấu. Các vệ sĩ xúm xít chung quanh hàng trăm người, Ngũ Lão tay nắm chân đá, nhảy nhót như bay, chạm phải ai kẻ ấy không ngũ đau thì què tay. Các vệ sĩ không tài gì mà đánh lại được, bấy giờ mới xin chịu phục.

Vua thấy người kiên dũng làm vậy, cho theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Nguyên thì đánh trận nào cũng thắng, lập nên công trạng rất nhiều. Hưng Đạo Vương có lòng yêu mến, gả con gái nuôi là Nguyên quận chúa cho,

Về sau, vua nước Ai Lao đem hơn một vạn quân và voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đực dài độ một trượng, chồng chất trên các vệ đường. Khi Ngũ Lão kéo quân vào đánh giặc, giặc thúc voi sấn lên, Ngũ Lão chỉ chân tay không

mà sấn vào gặp đồng tre nào thì vớ lấy đồng tre chỗ ấy, đập vào chân voi. Voi bị đau, gầm rống lên chạy trở về, giày xéo lên cả quân Ai Lao. Ngũ Lão mới thúc quân đánh tràn sang, quan giặc tan vỡ, phải trốn về nước.

Vì có những công to ấy, Ngũ Lão được cất lên làm Điện tiền thượng tướng quân. Đến khi mất, được phong làm thượng đẳng phúc thần, và được dân làng Phù Ủng lập miếu thờ ngay ở chỗ nhà Ngũ Lão.

Câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng – Theo Phan Kế Bính
(*Nam Hải dị nhân lược truyện*)

Câu 1. Hãy tóm tắt nội dung của văn bản và cho biết câu chuyện dựa trên bối cảnh của sự kiện lịch sử nào?

Câu 2. Chi tiết nào cho thấy Ngũ Lão là người có tài cầm quân đánh giặc?

Câu 3. Chi tiết Ngũ Lão bị đâm vào đùi nhưng không hề nhúc nhích cho thấy ông là một người như thế nào?

Câu 4. Những nét tính cách nào của Ngũ Lão được thể hiện qua câu chuyện trên?

Câu 5. Nêu suy nghĩ của em về chi tiết mà mình ấn tượng nhất đối với nhân vật trong truyện.

Bài 3. Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

*Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lặn trống đồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?*

(Bà Huyện Thanh Quan)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Trình bày hiểu biết của em về đặc điểm của thể thơ đó (luật bằng trắc, đối, niêm, bố cục, gieo vần, nhịp)

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt và nội dung chính của bài thơ là gì?

Câu 3. Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ sau:

*Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.*

Câu 4. Viết bài văn phân tích bài thơ Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan

Bài 4. Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu ở dưới

CHẠY TÂY

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây
Một bàn cờ thế phút sa tay
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ bầy chim dáo dác bay
Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây
Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng?
Nỡ để dân đen mắc nạn này!*

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Trình bày hiểu biết của em về đặc điểm của thể thơ đó (luật bằng trắc, đối, niêm, bố cục, gieo vần, nhịp)

Câu 2. Bối cảnh lịch sử của bài thơ? Nội dung chính của bài thơ?

Câu 3. Ghi lại các từ láy có trong hai câu thơ sau đây và phân tích hiệu quả nghệ thuật của việc

sử dụng chúng:

*“Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy,
Mắt ố bầy chim dáo dác bay.”*

Câu 4. Viết bài văn phân tích bài thơ “Chạy Tây” của Nguyễn Đình Chiểu.

Bài 5. Đọc bài thơ sau và trả lời câu hỏi:

CẢNH KHUYA

Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.
Cảnh khuya như vẽ, người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”. (Hồ Chí Minh)

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Trình bày hiểu biết của em về đặc điểm của thể thơ đó (luật bằng trắc, đối, niêm, bố cục, gieo vần, nhịp)

Câu 2. Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ cuối bài?

Câu 3. Viết bài văn phân tích bài thơ "Cảnh khuya" (Hồ Chí Minh)

Bài 6. Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay:

- Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!
- Cự bán rồi?
- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho Lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Thế nó cho bắt à?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...” (*Sách Ngữ văn 8, tập một – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam*)

Câu 1. Phương thức biểu đạt? Ngôi kể và tác dụng?

Câu 2. Tìm và chỉ ra tác dụng của các từ tượng hình, tượng thanh trong đoạn văn trên?

Câu 3. Phải bán chó, lão Hạc mắt “ầng ậng nước”, rồi “hu hu khóc”. Ông giáo thì “muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc”. Hãy so sánh và chỉ ra ý nghĩa của tiếng khóc cùng những giọt nước mắt này.

Bài 7. Xác định từ tượng hình, từ tượng thanh và nêu tác dụng của từ tượng hình, từ tượng thanh đó trong các trường hợp sau:

Câu 1. “Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vờ ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long song sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.”

(Trích Lão Hạc, Nam Cao)

Câu 2. “ Rồi chị túm cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức léo khẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trối vợ chông kẻ thiếu suu.”

(Trích Tắt đèn, Ngô Tất Tố)

Câu 3. Anh Hoàng đi ra. Anh vẫn bước khệnh khạng, thong thả bởi vì người khí to béo quá, vừa bước vừa bơi cánh tay kệnh kệnh ra hai bên, những khối bịt ở bên dưới nách kệnh ra và trông tũn ngũn như ngấn quá. Cái dáng điệu nặng nề ấy, hồi còn ở Hà Nội anh mặc quần áo tây cả bộ, trông chỉ thấy là chững chạc và hơi bệ vệ.

(Trích Đôi mắt, Nam Cao)

Bài 8. Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:

CÂU CHUYỆN CỦA HAI HẠT MẦM

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ. Hạt mầm thứ nhất nói: Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên... Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân... Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cành lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên.

Hạt mầm thứ hai bảo:

- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bạn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã.

Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

Một ngày nọ, một chú gà đi loanh quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lạch lạch trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức,

Trong cuộc sống sẽ luôn có những cơ hội cho những ai dám chấp nhận mạo hiểm, trải nghiệm những thử thách, mạnh dạn vượt qua những khuôn khổ lối mòn để bước lên những con đường mới.

(Theo *Hạt giống tâm hồn*, Fisrt New và NXB Tổng hợp TP HCM)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2: Tác giả sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ “tôi muốn” trong lời nói của hạt mầm thứ nhất có tác dụng gì?

Câu 3: Hãy cho biết sự khác nhau về quan điểm sống của hai hạt mầm.

Câu 4: Từ quan điểm sống của hạt mầm trong câu chuyện trên kết hợp hiểu biết của em về xã hội, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về con đường để đạt được ước mơ.

Bài 9. Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi:

Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường. Số mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bình nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.

[...] Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

(Trích *Mình là nắng việc của mình là chói chang*, Kazuko Watanabe, NXB Thế giới, 2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của phần văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra một biện pháp tu từ có trong câu văn sau và nêu tác dụng: “*Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường*”.

Câu 3. Từ thông điệp “*Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa*” làm đẹp cho đời, kết hợp với hiểu biết của em về xã hội, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 2/3 trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về lối sống đẹp.

=====

GỢI Ý TRẢ LỜI :

Bài 1.

Câu 1-2: hs tự làm

Câu 3.

+ Thể hiện tinh thần căm giặc cao độ.

+ Thể hiện sự dũng cảm, gan dạ, ý chí quyết tâm chiến đấu đến cùng, sẵn sàng hi sinh sinh vì đất nước

Câu 4.

* Mở đoạn: - Giới thiệu nhân vật và nêu cảm nghĩ chung nhất về nhân vật

* Thân đoạn- Nêu ngắn gọn sự kiện chính xoay quanh nhân vật. Tính cách nhân vật được bộc lộ thông qua lời nói: *“Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo!”*

- Từ lời nói đó, có thể nhận thấy đặc điểm tính cách của nhân vật:

+ Lời nói đanh thép của Trần Thủ Độ chứng tỏ Thái sư không hề tỏ ra run sợ, hèn nhát trước kẻ thù hùng mạnh. Nó đã tác động rất lớn đến tinh thần chiến đấu của quân dân thời đó, góp phần quan trọng vào chiến thắng của dân tộc.

+ Trần Thủ Độ là người có bản lĩnh cứng cỏi và nhân cách cao thượng, luôn thẳng thắn, nghiêm minh, đặt việc nước lên hàng đầu. Ông là người có lòng yêu nước sâu nặng, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ đất nước.

+ Trần Thủ Độ là vị anh hùng dân tộc, xứng đáng được xếp vào hàng những nhân vật kiệt xuất, đi đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

* Kết đoạn: Cảm nghĩ về nhân vật

Câu 5. HS nêu suy nghĩ cá nhân về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước ở các lĩnh vực xây dựng, bảo vệ tổ quốc có đưa những dẫn chứng cụ thể.

- Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổ lấy bằng cả xương máu và trí tuệ.

- Thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc (thực hiện nghiêm túc luật nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc gọi, tinh táo trước các luận điệu xuyên tạc, những âm mưu và hành động thù địch chống phá Đảng và nhà nước của kẻ thù...)

- Công hiến hết mình cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước (không ngừng học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện các thói quen tốt, kỹ năng sống cơ bản, dám nghĩ dám làm những việc có ý nghĩa cho đất nước... dù là người trí thức, nông dân hay người lính...)

Bài 2.

Câu 1.

- HS có thể tóm tắt theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo được nội dung câu chuyện.

- Bối cảnh lịch sử: Thời nhà Trần đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyên ở phương Bắc và đẩy lùi sự xâm lấn của quân Ai Lao ở phía Nam.

Câu 2. Những chi tiết cho thấy Phạm Ngũ Lão có tài cầm quân của Phạm Ngũ Lão:

- Theo Hưng Đạo Vương đi đánh giặc Nguyên thì đánh trận nào cũng thắng, lập nên công trạng rất nhiều.

- Về sau, vua nước Ai Lao đem hơn một vạn quân và voi sang cướp đất Thanh, Nghệ. Vua sai Ngũ Lão cầm quân đi đánh. Ngũ Lão sai dân chặt tre đục dài độ một trượng, chông chắt trên các vệ đường....

Câu 4. Là một người khảng khái, cương trực

Câu 5. Những nét tính cách của Phạm Ngũ Lão:

- Là một vị tướng tài giỏi xuất sắc đời nhà Trần, đã có công giúp Trần Hưng Đạo đánh đuổi quân xâm lược nhà Nguyên ở phương Bắc và đẩy lùi sự xâm lấn của quân Ai Lao ở phía Nam.

- Là người tính tình khảng khái, vừa có chí lớn vừa có tài cao, đã lập công lớn giết giặc cứu nước, nêu tấm gương sáng ngời về chí làm trai cho các thế hệ thanh niên đời sau học tập.

Câu 6. HS nêu chi tiết mình ấn tượng và nêu lí do thuyết phục.

Bài 3. Câu 1. hs tự làm

Câu 2. PTBĐ: biểu cảm kết hợp miêu tả.

- Nội dung chính: Tâm trạng buồn lê thê, một niềm sầu thương tê tái của người lữ khách đi xa nhớ nhà, nhớ quê hương da diết.

Câu 3. HS chỉ rõ và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

- Động từ "gác mái" biểu đạt một tâm thế nhàn của ngư ông đang sống ở miền quê, đã thoát vòng danh lợi.

- Đảo vị ngữ "Gác mái" càng nhấn mạnh sự nghỉ ngơi thư thái của ngư ông. "Gõ sừng" cũng được đảo ra phía trước để nhấn mạnh cử động của mục tử (người chăn trâu) nhưng là cử động trở về, nghỉ ngơi.

- Thể hiện một cách tài hoa chủ đề "chiều hôm nhớ nhà" => tạo nên không khí tĩnh lặng, cảnh chiều thêm tĩnh mịch và ẩn chứa một nỗi niềm man mác, băng khuâng của lòng người

Câu 4.

a. Mở bài: Giới thiệu khái quát về Bà Huyện Thanh Quan (những nét chính về con người, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác,...).

Giới thiệu khái quát về bài thơ Chiều hôm nhớ nhà (hoàn cảnh sáng tác hoặc tóm tắt nội dung)

Ví dụ: thông qua tác phẩm Chiều hôm nhớ nhà của Bà Huyện Thanh Quan đã khẳng định tài hoa thơ phú của mình. Bài thơ chứa một niềm tâm sự hoài cổ, nuối tiếc thời xưa được thể hiện qua nghệ thuật miêu tả cảnh để bộc lộ tình của tác giả.

b. Thân bài

* Nội dung:

- Ở bài thơ, ta bắt gặp một quang cảnh buồn, hoang vắng, cô tịch. Đó là cảnh buổi hoàng hôn tím sẫm, cái khoảng không gian và thời gian buồn, gợi nhớ nhất trong một ngày.

- Xuất hiện hình ảnh con người nhưng chỉ thoáng bóng thôi, và quang cảnh chỉ có thế. Đó là những người dân lao động nghèo, vất vả làm ăn, sinh hoạt của họ thật tẻ nhạt, thiếu sinh động.

- Bà luôn hoài cổ để chối bỏ thực tại và bày tỏ sự chán ghét thực tại. Đó là nỗi nhớ nước, nhớ nhà bà luôn giấu kín trong lòng.

- Trước cảnh, bà bộc lộ được niềm tâm sự của mình, một tâm sự hoài cổ, đầy nuối tiếc, muốn níu giữ những kỉ niệm xa xưa.

* Nghệ thuật

- Bài thơ đã đạt đến sự chuẩn mực trong việc sử dụng thể thơ Đường luật.

- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình được sử dụng tài năng và đem đến hiệu quả nghệ thuật to lớn.

- Nghệ thuật đảo ngữ, chơi chữ cùng việc sử dụng các từ láy.

c. Kết bài: Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Chiều hôm nhớ nhà và cảm nghĩ của em về bài thơ.

Bài 4.

1. Cảnh đất nước và nhân dân khi thực dân Pháp đến xâm lược và tâm trạng, thái độ của tác giả trước cảnh nước mất, nhà tan

2. Bối cảnh lịch sử: khi thực dân Pháp xâm lược VN

3. - Các từ láy: "lơ xơ", "dáo dác"

- Hiệu quả nghệ thuật:

+ Làm câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm hơn

+ Gợi ra hình ảnh lũ trẻ hoảng hốt, bơ vơ, sợ hãi bỏ chạy khi nghe thấy tiếng súng Tây; hình ảnh những con chim mất ổ bay tán loạn trong hoảng sợ, thảng thốt.

- + Nhân mạnh khung cảnh tang thương, mất mát của người dân khi bọn giặc Tây xâm lược nước ta
- + Thể hiện tâm trạng đau xót của tác giả trước tình cảnh loạn lạc của nhân dân và bộc lộ tình yêu nước, căm thù giặc của tác giả.

Câu 4.

a. Mở bài

- Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác: Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu viết bài *Chạy giặc*.
- Dẫn đề (ghi lại bài thơ).
- Chuyển mạch: phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

b. Thân bài

* Hai câu đề

- Từ chính xác, gợi tả, hình ảnh thực, sinh động: tan chợ, vừa, tiếng súng Tây, cờ thê, phút sa tay.
- Tiếng súng của giặc Pháp đột ngột nổ vang, phá tan cuộc sống yên lành của nhân dân ta và đẩy nước nhà đến chỗ nguy nan, thất bại hoàn toàn.
- Cảm xúc mở đầu bài thơ: bàng hoàng, tuyệt vọng.

* Hai câu thực

- Biện pháp ẩn dụ, đảo ngữ, những trạng từ gợi hình ảnh loạn li, tan tác của nhân dân ta: lơ xơ, dáo dác.
- Cách ngắt nhịp chẵn – lẻ của thơ Đường luật thể hiện lời than thở xót xa:

*Bỏ nhà / lũ trẻ / lơ xơ chạy,
Mất ổ / đàn chim / dáo dác bay.*

- Nỗi khổ của nhân dân ta trong cảnh chạy giặc.

* Hai câu luận

- Biện pháp đảo ngữ được tiếp tục sử dụng, hình ảnh gợi tả: quê hương thân yêu Bến Nghé, Đồng Nai, bị giặc thiêu huỷ, cướp bóc, của tiền tan bọt nước, tranh ngói nhuộm màu mây.
- Sự tố cáo tội ác của giặc vừa cụ thể vừa khái quát bằng giọng thơ u uất, căm hờn.
- Tội ác dã man của giặc xâm lược.

* Hai câu kết

- Ngôn ngữ châm biếm sắc cạnh (rày đâu vắng, nở đê dân đen), than oán triều đình nhà Nguyễn sợ giặc, bỏ mặc dân tình khổ ải.
- Nỗi căm khái trước cảnh điêu linh của nhân dân.

c. Kết luận

- Giá trị hiện thực: tái hiện cảnh chạy giặc của người dân trong những ngày thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Nam Bộ.
- Giá trị tư tưởng, tình cảm: biểu lộ lòng yêu nước, thương dân tha thiết, lòng căm thù giặc xâm lược bạo tàn.

Bài 5. hs tự làm

Bài 6.

Câu 1. Đoạn văn được rút ra từ tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao

Câu 2.

- Từ tượng hình: ằng ặng, móm mém, co rúm, ngoẹo,
- Từ tượng thanh: hu hu

=> Gợi tả dáng vẻ già nua và nỗi đau khổ của lão Hạc khi phải bán chó.

Câu 3.

- Lão Hạc khóc, trước tiên, vì bán “cậu Vàng” lão đã mất đi chỗ dựa của tinh thần - một chút an

úi cho tuổi già cô độc. Đây là tiếng khóc than thân tủi phận. Sau nữa, lão khóc vì: “[...] tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó...” -tiếng khóc của nỗi ân hận trước một việc mà mình thấy là không nên làm. Tiếng khóc cho thấy ý thức rất cao về nhân phẩm của lão Hạc.

- Ông giáo muốn “òa lên khóc”, trước tiên là vì thông cảm cho cảnh tình của lão Hạc, bởi ông giáo đã phải bán đi những cuốn sách gắn với kỉ niệm của một thời, “đầy những say mê đẹp đẽ và cao vọng” Ông không chỉ biết khóc cho mình mà còn biết khóc cho nỗi đau của người khác.

- Nước mắt, với Nam Cao, vừa là biểu tượng của nỗi khổ cũng đồng thời là biểu tượng của nhân phẩm; vừa là biểu tượng của những đắng cay mà cũng là biểu tượng của tình thương, của niềm trắc ẩn, của mối từ tâm. Vì lẽ ấy, nó luôn làm day dứt tâm hồn người đọc

Bài 7.

Câu 1. - Từ tượng hình: Mải mốt, xồng xộc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, (long) sòng sọc, tru tréo.

- Từ tượng thanh: nhón nháo, xôn xao.

-> Tác dụng: Giúp việc kể về cái chết của Lão Hạc trở nên sinh động, người đọc như được chứng kiến sự việc ngay trước mắt, thấy được cái chết đau đớn dữ dội của lão Hạc

Câu 2. - Từ tượng hình : lẻo khoẻo, chông quèo

- Từ tượng thanh : nham nhảm

=> Tác dụng: Làm nổi bật hình ảnh, bộ dạng hết sức thảm hại và hài hước của tên tay sai khi bị chị Dậu đánh bại.

Câu 3. Các từ tượng hình: *khệnh khạng, thông thả, kệnh kệnh, tũn ngũn, nặng nề, chững chạc, bệ vệ.*

=>Tác dụng: Sử dụng các từ tượng hình trong đoạn văn trên nhằm lột tả dáng điệu đặc biệt của nhân vật Hoàng do thân hình quá khổ.

Bài 8.

Câu 1. hs tự làm

Câu 2

Tác dụng của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ “ Tôi muốn” trong lời nói của hạt mầm thứ nhất: Nhấn mạnh và diễn tả những khát khao, ước mơ của hạt mầm thứ nhất.

Câu 3

Sự khác nhau về quan điểm sống được thể hiện trong lời nói của hai hạt mầm:

- Hạt mầm thứ nhất: sống đầy mơ ước, khát khao hướng tới những điều cao đẹp, dũng cảm đương đầu với thử thách.

- Hạt mầm thứ hai: chọn cách sống an toàn, sống hèn nhát, thụ động, sợ hãi.

Câu 4. Viết đoạn văn 2/3 trình bày suy nghĩ của em về con đường để đạt được ước mơ:

* *Giải thích vấn đề*

- Ước mơ là ước mong, khát vọng, là những gì tốt đẹp mà ta luôn hướng tới. Mỗi người sẽ có những ước mơ khác nhau...(trong học tập, trong cuộc sống gia đình, trong làm kinh tế)

- Con đường để đạt được ước mơ chính là cách thức để ta biến ước mơ thành hiện thực.(ý chí, nỗ lực, qua mục tiêu, phương hướng, kế hoạch, phương pháp cụ thể , hành động cụ thể..)

* *Nêu ý nghĩa của con đường để đạt được ước mơ*

- Tại sao con người cần có ước mơ? Tại sao cần có con đường để đạt được ước mơ?

-Ước mơ chính là động lực thúc đẩy ta hành động. Con đường là cách thức định hướng cho ta lối đi, là cảm nang cần thiết để đạt được ước mơ của mình

+ Có nỗ lực, có hành động mới có thể biến giấc mơ thành hiện thực

+ Người có ước mơ là người sống có lí tưởng riêng và nhất định sẽ thành công với những sự lựa chọn của mình...

* *Mở rộng vấn đề:*

- Phê phán những người chỉ biết mơ ước mà không biết nỗ lực, không hành động cụ thể; những

kẻ bất chấp tất cả để đạt được ước muốn của mình.

* *Bài học*: Con đường thực hiện ước mơ:

+ Không ngừng nâng cao năng lực của bản thân, trau dồi tri thức và kỹ năng. " Không chùn bước trước khó khăn, sẵn sàng vượt qua mọi trở ngại. Con đường thực hiện ước mơ phải bắt đầu từ ngày hôm nay, từ những bước nhỏ nhất.

+ Điều quan trọng nhất trong quá trình đi đến ước mơ đôi khi không phải là đích đến 1 mà là hành trình.

- Liên hệ bản thân: Em có ước mơ gì? Em đã lựa chọn con đường nào để thực hiện những ước mơ đó?

Bài 9.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 2. Chỉ ra một phép tu từ được sử dụng trong câu văn:

+ điệp ngữ "*có những*"

+ hoặc liệt kê: *những bông hoa lớn, những bông hoa nhỏ, những bông nở muộn, những đóa hoa rục rờ sắc màu, những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa" bên vệ đường....*

* Tác dụng: nhấn mạnh và diễn tả đầy đủ sự đa dạng, phong phú của những loài hoa. Nghệ thuật ẩn dụ: hình ảnh những bông hoa phải chăng cũng là sự đa dạng phong phú, muôn màu muôn vẻ của cuộc đời, số phận mỗi con người ...

Câu 3

- *Giải thích thế nào là "Sống đẹp"*? Sống đẹp xuất phát từ lòng nhân ái, sống hết mình vì người khác, để bao dung, thứ tha.

+ Sống đẹp còn là dùng tài năng, công sức của mình để cống hiến làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn...

- *Biểu hiện*: Quan tâm, sẻ chia đến người khác; Ủng hộ quỹ "Vì người nghèo", ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung, làm những việc tử tế....; Sẵn sàng hi sinh vì người khác.

-> Xây dựng lối sống đẹp sẽ mang lại hạnh phúc cho người khác cũng như chính bản thân mình. Lối sống đẹp giúp cho mọi người gắn kết với nhau hơn.

+ Sống đẹp sẽ giúp xã hội phát triển, văn minh, tiến bộ, giàu tính nhân văn....

- *Bàn luận, mở rộng*:

+ Bên cạnh những người có lối sống đẹp lại có những người sống tiêu cực: ích kỉ, chỉ quan tâm đến lợi ích của mình, sống vô cảm, thờ ơ, sa vào tệ nạn, ...

+ Sống đẹp không phải chỉ ngày một ngày hai có thể làm được, nó thể hiện ở những hành động nhỏ nhất trong suốt đời người.

- *Bài học nhận thức và liên hệ bản thân*

+ Có thái độ phê phán, lên án với những người có lối sống tiêu cực.

+ Luôn mở rộng lòng mình để yêu thương, sẻ chia nhiều hơn với người thân, gia đình và những người xung quanh.

+ Là học sinh cần phải biết định hướng lối sống lành mạnh, không ngừng nỗ lực học tập để hoàn thiện bản thân góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.

+ Biết lựa chọn những giá trị đẹp để tiếp thu và học hỏi.

MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

A – PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. Nội dung ôn tập

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 6, trọng tâm những bài học sau:

1. Cách mạng tư sản Anh và chiến tranh giành độc lập 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ
2. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII
3. Cách mạng công nghiệp (nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX)
4. Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến giữa thế kỉ XIX

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

II. Một số dạng câu hỏi và bài tập.

Phần I: Trắc nghiệm

Câu 1: Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?

- A. Sự phát triển kinh tế theo con đường tư bản chủ nghĩa làm sâu sắc hơn mâu thuẫn giữa các thuộc địa với chính quốc.
- B. Chế độ thuế vô lí của thực dân Anh.
- C. Nhân dân cảng Bô-xton tấn công ba tàu chở chè của Anh.
- D. Đầu thế kỷ XVIII, người Anh thành lập 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.

Câu 2: Đây **không phải** là kết quả của chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?

- A. Lật đổ ách thống trị của thực dân Anh.
- B. Lật đổ chế độ phong kiến.
- C. Thành lập hợp chủng quốc Mỹ.
- D. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

Câu 3: Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp có gì tiến bộ?

- A. Đề cao vấn đề quyền tự do, bình đẳng của con người.
- B. Bảo vệ quyền lợi cho tất cả các tầng lớp trong xã hội.
- C. Bảo vệ quyền lợi cho tư sản.
- D. Bảo vệ quyền lợi cho những người cầm quyền.

Câu 4: Ngày 28/8/1789 diễn ra sự kiện lịch sử gì ở Pháp?

- A. Công nhân, thợ thủ công đánh chiếm nhà tù Ba-xi.
- B. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền ra đời.

C. Quốc hội lập hiến thông qua Hiến pháp mới.

D. Quốc hội lập hiến tuyên bố xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân.

Câu 5: Sự kiện mở đầu cách mạng Pháp là gì?

A. Hội nghị ba đẳng cấp được họp.

B. Thông qua Hiến pháp.

C. Nhân dân tấn công pháo đài Ba-xti.

D. Hội đồng dân tộc thành lập.

Câu 6: Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ khi nào?

A. Năm 1830.

B. Những năm 60 của thế kỉ XVIII.

C. Những năm 40 của thế kỉ XIX.

D. Những năm 1850-1860.

Câu 7: Yếu tố nào thúc đẩy nước Anh đi đầu trong cuộc cách mạng công nghiệp?

A. Do yêu cầu phải cải tiến kỹ thuật, đặc biệt là trong ngành dệt, đòi hỏi phải tiến hành cuộc cách mạng kỹ thuật sản xuất.

B. Máy móc tuy đã được sử dụng trong sản xuất thời trung đại nhưng còn thô sơ, chưa đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất.

C. Cải tiến và phát minh nhiều máy móc để đẩy mạnh sản xuất.

D. Nước Anh từ một nước nông nghiệp muốn trở thành một nước công nghiệp phát triển.

Câu 8: Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ ngành nào?

A. Luyện kim.

B. Giao thông vận tải.

C. Hóa chất.

D. Dệt

Câu 9: Đâu **không phải** là ý nghĩa của Cách mạng tư sản Pháp?

- A. Mở ra thời kì thăng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản ở những nước tiên tiến Âu - Mĩ.
- B. Ảnh hưởng đến nhiều nước để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử thế giới
- C. Mở đường cho sự phát triển của chế độ phong kiến
- D. Thúc đẩy lực lượng tiến bộ đứng lên chống phong kiến.

Câu 10: Ai là người chế tạo ra máy kéo sợi Gien-ni?

- A. Giêm Ha-gri-vơ
- B. Ác-crai-tơ
- C. Crôm-ton
- D. Ét-mơn Các-rai

Câu 11: Thành tựu tiêu biểu nhất của cách mạng công nghiệp Anh là?

- A. Việc phát minh ra máy hơi nước
- B. Chế tạo ra máy kéo sợi Gien-ni
- C. Chế tạo thành công chiếc đầu máy xe lửa đầu tiên
- D. Chế tạo được máy dệt chạy bằng sức nước

Câu 12: Năm 1825, nước Anh có thành tựu gì nổi bật?

- A. Ét-mơn Các-rai chế tạo được máy dệt chạy bằng sức nước, đưa năng suất tăng gần 40 lần so với dệt bằng tay.
- B. Máy hơi nước do Giêm Oát phát minh được đưa vào sử dụng.
- C. Xti-phen-xơn chế tạo thành công chiếc đầu máy xe lửa đầu tiên.
- D. Khánh thành đoạn đường sắt đầu tiên nối trung tâm công nghiệp Man-chét-xto với cảng Li-vơ-pun

Câu 13: Đến cuối thế kỉ XIX, nước nào là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập?

- A. Mi-an-ma
- B. Phi-lip-pin
- C. Xiêm
- D. Việt Nam

Câu 14: Ai là người chế tạo thành công chiếc xe lửa đầu tiên?

- A. Xti-phen-xơn
- B. Ác-crai-tơ
- C. Crôm-ton
- D. Ét-mơn Các-rai

Câu 15: Việc Ét-mơn Các-rai chế tạo được máy dệt chạy bằng sức nước, đưa năng suất tăng gấp bao nhiêu lần so với dệt bằng tay?

- A. Gần 40 lần
- B. Gần 10 lần
- C. Gần 30 lần
- D. Gần 20 lần

Phần II. Tự luận

Bài 1: Trình bày những tác động của cách mạng công nghiệp đối với sản xuất và xã hội?

Bài 2:

- a. Trình bày những nét chính về chính trị, văn hóa của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây?
- b. Vì sao khu vực Đông Nam Á trở thành đối tượng xâm lược của các nước tư bản phương Tây?

Bài 3: Hãy cho biết ý nghĩa, tính chất, đặc điểm chính của cách mạng tư sản Pháp?

Bài 4: Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế

- a. Theo em, nếu con người không sáng tạo ra những loại máy móc dùng trong sản xuất hoặc những phương tiện giao thông hiện đại như tàu hỏa, tàu thủy...thì hoạt động sản xuất và cuộc sống của chúng ta sẽ như thế nào?
- b. Hãy viết một đoạn văn giới thiệu về một thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp từ nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX?

III. Gợi ý trả lời câu hỏi

II. Phần tự luận

Bài 1:

*** Tác động đến đời sống sản xuất:**

- Làm thay đổi căn bản quá trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác phát triển, tạo ra nguồn của cải dồi dào cho xã hội.
- Bộ mặt của các nước tư bản thay đổi với nhiều khu công nghiệp lớn và thành phố đông dân mọc lên,...
- Chuyển xã hội loài người từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.

*** Tác động đối với đời sống xã hội**

- Hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản, đó là tư sản và vô sản.
- + Giai cấp tư sản nhờ công nghiệp hoá đã giàu lên nhanh chóng, trở thành giai cấp thống trị trong xã hội.
- + Giai cấp vô sản ngày càng đông đảo và bị tư sản bóc lột nặng nề.
- Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng sâu sắc.

Bài 2:

a.

*** Chính trị:**

- Chính quyền và tầng lớp trên ở các nước đã đầu hàng, phụ thuộc hoặc làm tay sai cho thực dân.
- Bộ máy ở trung ương và cấp tỉnh đều do quan chức thực dân điều hành

*** Văn hóa:**

- Du nhập văn hóa phương Tây, làm xói mòn những giá trị văn hóa truyền thống...
- Thực hiện chính sách nô dịch...

b.

*** Nguyên nhân khách quan:**

- Các nước tư bản thực dân (cụ thể là Pháp) đang trong quá trình phát triển chủ nghĩa đế quốc mạnh mẽ, cần nguyên liệu, thị trường, thuộc địa,... nên đang tích cực đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.

*** Nguyên nhân chủ quan:**

- *Vị trí địa lí:* Các nước Đông Nam Á có vị trí địa lí vô cùng quan trọng.
- *Tài nguyên, thiên nhiên:* Là khu vực giàu tài nguyên như: lúa gạo, cây hương liệu, động vật, khoáng sản,...
- *Dân cư:* Có nguồn nhân công rẻ mạt và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- *Chính trị - xã hội:* Chế độ phong kiến ở các nước Đông Nam Á đang suy yếu, xã hội khủng hoảng.

Bài 3:

- Ý nghĩa:

- + Mở đường cho sự phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản ở Pháp.
- + Là sự kiện lịch sử trọng đại, có ý nghĩa to lớn không chỉ đối với nước Pháp mà còn
- + Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho phong trào cách mạng các nước. ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều nước trên thế giới, nhất là ở châu Âu
- + Tư tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái được truyền bá rộng rãi.

- Tính chất: là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình:

- + Thiết lập chế độ cộng hoà cùng các quyền tự do, dân chủ.
- + Giải quyết vấn đề ruộng đất cho người nông dân.

- Đặc điểm chính:

- + Lực lượng lãnh đạo: giai cấp tư sản
- + Hình thức: nội chiến cách mạng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc

Bài 4: Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế

HS vận dụng kiến thức đã học để nêu suy nghĩ bản thân.

B - PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

I. Nội dung ôn tập

- Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ Việt Nam
- Địa hình Việt Nam
- Khoáng sản Việt Nam

Phần I. Trắc nghiệm

Câu 1. Theo chiều đông – tây, phần đất liền nước ta mở rộng khoảng bao nhiêu kinh độ?

- A. 5.
- B. 6.
- C. 7.
- D. 8.

Câu 2. Vùng biển của Việt Nam là một phần của biển nào?

- A. Biển Xu-lu.
- B. Biển Đông.
- C. Biển Gia-va.
- D. Biển Hoa Đông.

Câu 3. Trên đất liền, phía bắc nước ta có chung đường biên giới với quốc gia nào sau đây?

- A. Lào.
- B. Thái Lan .
- C. Cam-pu-chia.
- D. Trung Quốc.

Câu 4. Địa hình đồng bằng nước ta chiếm

- A. $\frac{3}{4}$ diện tích phần đất liền.
- B. $\frac{2}{3}$ diện tích phần đất liền.
- C. $\frac{1}{4}$ diện tích phần đất liền.
- D. $\frac{1}{3}$ diện tích đất liền.

Câu 5. Địa hình nào sau đây là địa hình nhân tạo?

- A. Địa hình cacxtơ.
- B. Địa hình đồng bằng
- C. Địa hình cao nguyên.
- D. Địa hình đê sông, đê biển.

Câu 6. Địa hình của Đồng bằng sông Hồng có đặc điểm gì?

- A. Là những cánh đồng nhỏ trù phú nằm giữa vùng núi cao.
- B. Đồng bằng bị chia cắt bởi hệ thống đê chống lũ, tạo thành những ô trũng.
- C Bị các nhánh núi đâm ngang sát biển chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp và ít màu mỡ.
- D. Cao trung bình 2-3m, vào mùa lũ có nhiều vùng đất trũng rộng lớn bị ngập úng sâu và khó thoát nước.

Câu 7. Dãy núi Hoàng Liên Sơn nằm ở vùng núi nào của nước ta?

- A. Vùng núi Tây Bắc.
- B. Vùng núi Đông Bắc.
- C. Vùng núi Trường Sơn Bắc.
- D. Vùng núi Trường Sơn Nam.

Câu 8. Trên đất liền, nước ta có đường biên giới phía Bắc với quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc.
- B. Lào.
- C. Thái Lan.
- D. Campuchia.

Câu 9. Nước ta nằm ở vị trí

- A. nội chí tuyến nửa cầu Bắc.
- B. nội chí tuyến nửa cầu Nam.
- C. nội chí tuyến hai bán cầu.
- D. đới ôn hoà.

Câu 10. Phần đất liền nước ta nằm kéo dài theo chiều Bắc-Nam và theo chiều Tây – Đông từ

- A. $8^{\circ}30'B \rightarrow 23^{\circ}23'B$ và $102^{\circ}10'D \rightarrow 109^{\circ}24'D$
- B. $8^{\circ}34'B \rightarrow 23^{\circ}23'B$ và $102^{\circ}09'D \rightarrow 109^{\circ}24'D$
- C. $8^{\circ}34'B \rightarrow 23^{\circ}23'B$ và $102^{\circ}05'D \rightarrow 109^{\circ}24'D$
- D. $8^{\circ}34'B \rightarrow 23^{\circ}23'B$ và $102^{\circ}10'D \rightarrow 109^{\circ}40'D$

Câu 11. Nước ta không có chung Biển Đông với quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan B. Phi-lip-pin C. Ma-lai-xi-a D. Lào

Câu 12. Địa hình núi cao trên 2000m nước ta chiếm

- A. 1% diện tích cả nước. B. 14% diện tích cả nước.
C. 85% diện tích cả nước. D. 2% diện tích cả nước.

Câu 13. Vận động tạo núi Himalaya đã làm cho địa hình nước ta

- A. san bằng, thấp và thoải.
B. nâng cao và phân thành nhiều bậc địa hình kế tiếp nhau.
C. tạo lên nhiều cao nguyên đá vôi ở bắc trung bộ.
D. bào mòn địa hình đồi núi và tạo nên các đồng bằng.

Câu 14. Địa hình vùng núi Đông Bắc nổi bật với bốn cánh cung lớn theo thứ tự từ Tây sang Đông là

- A. Cánh cung sông Gâm, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Đồng Triều.
B. Cánh cung Bắc Sơn, cánh cung sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Đồng Triều.
C. Cánh cung sông Gâm, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Đồng Triều.
D. Cánh cung Ngân Sơn, Cánh cung sông Gâm, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Đồng Triều.

Câu 15. Địa hình núi cao nước ta tập trung chủ yếu ở

- A. vùng núi Đông Bắc. B. vùng núi Tây Bắc.
C. vùng núi Trường Sơn Bắc . D. vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam.

Phần II. Tự luận

Câu 1.

- a. Em hãy cho biết ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm khí hậu Việt Nam. .
b. Trình bày đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu của Việt Nam.

Câu 2 .

- a. Lấy 2 ví dụ về vai trò của bức chắn địa hình tạo nên sự phân hóa thiên nhiên giữa các sườn núi.
b. Xác định dạng địa hình nơi em sinh sống. Dạng địa hình đó có ý nghĩa như nào đối với sự phát triển nông nghiệp của địa phương em?

Câu 3.

- a. Em hãy lấy ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đối với khai thác kinh tế ở một trong những khu vực đồi núi của nước ta.
b. Liên hệ phân tích những thuận lợi của địa hình đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương em.

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1.

- a,- Nước ta nằm hoàn toàn trong đới nóng bán cầu Bắc, trong vùng gió mùa châu Á, một năm có hai mùa rõ rệt.
- Phần đất liền nước ta hẹp ngang, lại giáp biển Đông, có nguồn ẩm dồi dào, các khối khí di chuyển qua biển vào sâu trong đất liền làm thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng

sâu sắc của biển.

b, - Trên lãnh thổ nước ta đã thăm dò được hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.

- Khoáng sản Việt Nam có đủ các nhóm:

+ Khoáng sản năng lượng (than, dầu, khí)

+ Khoáng sản kim loại: sắt, đồng, chì, mangan...

+ Khoáng sản phi kim loại: apatit...

Câu 2.

a. Ví dụ:

- Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa đông Bắc khiến mùa đông ở Tây Bắc có thời gian ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn Đông Bắc.

- Dãy Trường Sơn gây nên hiệu ứng phơn tạo ra sự khác biệt về thời gian mùa mưa giữa hai sườn núi.

b. Xác định:

- Địa hình: đồng bằng

- Ý nghĩa: trồng cây lương thực, thực phẩm, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản...

Câu 3.

HS tự làm.

MÔN CÔNG NGHỆ

I – NỘI DUNG

Nội dung kiến thức cần ôn tập

- *Nêu các bước vẽ hình chiếu vuông góc của vật thể.*
- *Vị trí và cách chiếu các hình chiếu vuông góc?*
- *Nêu trình tự đọc bản vẽ chi tiết, bản vẽ lắp và bản vẽ nhà?*
- *Nêu đặc điểm các hình chiếu của: hình hộp chữ nhật; hình lăng trụ tam giác đều; hình chóp tứ giác đều.*

Hình thức ra đề:

70 % trắc nghiệm; 30% tự luận.

II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Hình chiếu của vật thể là

- | | |
|---|--|
| A. phần thấy của vật đối với người quan sát. | B. phần phía sau vật thể. |
| C. phần thấy của vật đối với mặt phẳng hình chiếu | D. phần thấy của vật đối với mặt phẳng l |

Câu 2. Vai trò của bản vẽ kỹ thuật trong đời sống là gì?

- | | |
|---|---|
| A. Góp phần vào nền khoa học công nghệ hiện đại ngày nay. | B. Giúp con người sử dụng có hiệu quả và an các thiết bị máy móc. |
| C. Không có vai trò gì đặc biệt. | D. Chỉ giúp việc thi công dễ dàng hơn. |

Câu 3. Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ đâu tới?

- | | |
|----------------|---------------|
| A. Trước tới. | B. Trái sang. |
| C. Trên xuống. | D. Phải sang. |

Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về bản vẽ kỹ thuật?

- A. Là các thông tin kỹ thuật trình bày dưới dạng hình vẽ theo quy tắc thống nhất.
- B. Là các thông tin kỹ thuật trình bày dưới dạng các kỹ hiệu theo quy tắc thống nhất.
- C. Thường vẽ theo tỉ lệ theo hình ảnh.
- D. Là bản vẽ trình bày các thông tin kỹ thuật của sản phẩm dưới dạng các hình vẽ và các ký hiệu theo quy tắc thống nhất và thường vẽ theo tỉ lệ.

Câu 5. Công dụng của bản vẽ chi tiết là

- A. chế tạo và lắp ráp.
- B. chế tạo và kiểm tra.
- C. thiết kế và sửa chữa.
- D. thiết kế, thi công và sử dụng.

Câu 6. Trên bản vẽ kỹ thuật thường dùng hình cắt để

- A. tăng tính thẩm mỹ.
- B. biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể.
- C. sử dụng thuận tiện bản vẽ.
- D. biểu diễn hình dạng bên ngoài của vật thể.

Câu 7. Khi vẽ hình chiếu cần

- A. tô đậm.
- B. vẽ mờ.
- C. vẽ gạch mờ.
- D. vẽ mờ và tô đậm.

Câu 8. Để vẽ bản vẽ trong chương trình Công nghệ 8 ta dùng loại khổ giấy nào?

- A. A0
- B. A1
- C. A4
- D. A2

Câu 9. Mặt cắt biểu diễn các bộ phận và kích thước của ngôi nhà theo

- A. chiều rộng.
- B. chiều cao.
- C. chiều ngang.
- D. chiều dài.

Câu 10. Trình tự đọc bản vẽ chi tiết là

- A. Khung tên, hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.
- B. Khung tên, kích thước, hình biểu diễn, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.
- C. Hình biểu diễn, khung tên, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.
- D. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên, yêu cầu kỹ thuật, tổng hợp.

Câu 11. Mặt cắt là hình cắt có mặt phẳng cắt song song với

- A. mặt phẳng chiếu cạnh, mặt phẳng chiếu bằng.
- B. mặt phẳng chiếu đứng hoặc mặt phẳng chiếu cạnh.
- C. mặt phẳng chiếu bằng.
- D. mặt phẳng cắt A-A.

Câu 12. Bản vẽ kỹ thuật được dùng trong quá trình

- A. thiết kế, thi công, lắp ráp.
- B. thiết kế, vận hành, thi công.
- C. sửa chữa, vận hành, lắp ráp.
- D. chế tạo, lắp ráp, thi công.

Câu 13. Quy định về chiều rộng lề bên trái trong khung bản vẽ là bao nhiêu?

- A. 10 mm
- B. 20 mm
- C. 30 mm
- D. 40 mm

Câu 14. Khi nào cần lập bản vẽ chi tiết?

- A. Khi chế tạo và kiểm tra các chi tiết.
- B. Cần tài liệu cho quá trình thiết kế, lắp ráp, kiểm tra và sử dụng sản phẩm.
- C. Khi thiết kế và thi công xây dựng.
- D. Khi người thợ cơ khí cần lắp ráp chi tiết máy.

Câu 15. Bản vẽ chi tiết dưới đây gồm có những nội dung chính nào?

- A. Hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, khung tên.
- B. Hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, khung tên.
- C. Hình biểu diễn, kích thước, khung tên.

D. Hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật.

Câu 16. Có bao nhiêu loại nét vẽ thường dùng trong bản vẽ kỹ thuật:

A. 3. B. 4. C. 5. D. 6

Câu 17. Tỷ lệ bản vẽ là gì?

A. Tỷ lệ là tỉ số giữa kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó.

B. Tỷ lệ là tỉ số giữa kích thước thực của vật thể và kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể

C. Tỷ lệ là tỉ số giữa kích thước thực của vật thể và 2 lần kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể

D. Tỷ lệ là tích giữa kích thước dài đo được trên hình biểu diễn của vật thể và kích thước thực tương ứng trên vật thể đó.

Câu 18. Trên bản vẽ kỹ thuật, nét liền mảnh được dùng để

A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy.

B. Vẽ đường bao khuất, cạnh khuất.

C. Đường kích thước, đường gióng,

D. Vẽ đường tâm, đường trục.

Câu 19. Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, có mấy mặt phẳng hình chiếu?

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 20. Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, vị trí mặt phẳng hình chiếu đứng như thế nào so với vật thể?

A. Trước vật thể B. Trên vật thể C. Sau vật thể D. Dưới vật thể

Câu 21. Bản vẽ kỹ thuật không trình bày thông tin nào của sản phẩm?

A. Hình dạng. B. Kích thước. C. Yêu cầu kỹ thuật. D. Công dụng.

Câu 22. Theo phương pháp chiếu góc thứ nhất, hình chiếu cạnh có vị trí như thế nào so với hình chiếu đứng:

A. Đặt phía trên B. Đặt phía dưới C. Đặt bên phải D. Đặt bên trái

Câu 23. Ở phương pháp chiếu góc thứ nhất, để thu được nhìn chiếu cạnh ta nhìn từ đâu?

A. Từ trên xuống B. Từ trước vào C. Từ trái sang D. Từ phải sang

Câu 24. Theo phương pháp chiếu góc thứ nhất, hình chiếu đứng có vị trí như thế nào so với hình chiếu bằng:

A. Đặt phía trên B. Đặt phía dưới C. Đặt bên phải D. Đặt bên trái

Câu 25. Cho vật thể có kích thước: chiều dài 60 mm, chiều rộng 40 mm và chiều cao 50 mm. Hình biểu diễn vật thể có tỉ lệ là 1:2. Độ dài kích thước chiều cao đo được trên hình biểu diễn của vật thể là bao nhiêu?

A. 30 mm B. 25 mm C. 20 mm D. 15 mm

Câu 26. Khi tia nắng vuông góc với mặt sân thì hình chiếu của quả bóng đá lên mặt sân có dạng hình gì?

A. Hình tròn. B. Hình elip. C. Hình bầu dục. D. Hình đa giác đều.

Câu 27. Việt Nam và một số quốc gia châu Á, châu Âu thường sử dụng phương pháp góc chiếu nào để biểu diễn hình chiếu vuông góc của vật thể?

A. Phương pháp góc chiếu thứ nhất. B. Phương pháp góc chiếu thứ hai.

C. Phương pháp góc chiếu thứ ba. D. Phương pháp góc chiếu thứ tư.

Câu 28. Trên bản vẽ kỹ thuật, nét liền đậm được dùng để:

- A. Vẽ đường bao thấy, cạnh thấy. B. Đường kích thước và đường gióng.
C. Cạnh khuất, đường bao khuất. D. Đường tâm, đường trục đối xứng.

Câu 29. Vị trí của khung tên trên bản vẽ được nằm ở đâu?

- A. Góc bên phải phía trên bản vẽ B. Góc bên phải phía dưới bản vẽ
C. Góc bên trái phía trên bản vẽ D. Góc bên trái phía dưới bản vẽ

Câu 30. Hình cầu được tạo thành như thế nào?

- A. Quay một hình tam giác vuông một vòng quanh một cạnh góc vuông.
B. Quay một hình tam giác đều một vòng quanh một đường cao của tam giác đó.
C. Quay một hình chữ nhật một vòng quanh một cạnh cố định.
D. Quay một nửa hình tròn một vòng quanh đường kính của nửa đường tròn đó.

MÔN GDCD

I. NỘI DUNG ÔN TẬP.

Các bài từ tuần 1 đến tuần 7 trong đó trọng tâm kiến thức:

- **Bài 1:** Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam
- **Bài 2:** Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc
- **Bài 3:** Lao động cần cù, sáng tạo

* **Yêu cầu:**

- Học sinh nắm được khái niệm, biểu hiện, ý nghĩa và cách rèn luyện của các phẩm chất đạo đức.

- Đánh giá được thái độ, hành vi thể hiện tôn trọng và tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam, Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

- Vận dụng các kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống trong thực tế.

* **Lưu ý:** Các câu hỏi trắc nghiệm sẽ lấy trong nội dung bài học. Dưới đây là một số câu hỏi trắc nghiệm gợi ý.

Câu 1: “Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp luồng sóng dữ, chém cá kình ở Biển Đông, đánh đuổi quân Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ, chứ tôi không chịu khom lưng làm tì thiếp người ta” (Bà Triệu) nói đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc ta?

- A. Truyền thống tôn sư trọng đạo. B. Truyền thống đoàn kết.
C. Truyền thống yêu nước. D. Truyền thống nhân nghĩa.

Câu 2: Hành vi sau đây có thể hiện sự cần cù, sáng tạo trong lao động “Chị L thường xuyên chế tạo các chai lọ bỏ đi thành các giỏ trồng hoa, trang trí cho không gian nhà thêm xanh tươi”?

- A. Hành động của chị L thể hiện chị là một người sáng tạo trong lao động
B. Hành động của chị L thể hiện chị là một người cố hủ
C. Chị L có thể mua chậu trồng cây mới để có thể chọn được nhiều mẫu mã đẹp hơn
D. Chị L chỉ chăm chỉ chứ không sáng tạo trong lao động

Câu 3: “Dân ta xin nhớ chữ đồng/ Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” (Lịch sử nước ta – Hồ Chí Minh) nói đến truyền thống tốt đẹp nào của dân tộc ta?

- A. Truyền thống hiếu học. B. Truyền thống nhân nghĩa.
C. Truyền thống yêu nước. D. Truyền thống đoàn kết.

Câu 4: Việc làm nào dưới đây không thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc?

- A. Tham quan các bảo tàng nghệ thuật, lịch sử, các triển lãm văn hoá về truyền thống dân tộc.
B. Thiếu tôn trọng, thiếu lễ phép với các thương binh, gia đình liệt sĩ.
C. Tham gia và hỗ trợ hoạt động quảng bá văn hoá, truyền thống dân tộc Việt Nam với bạn bè

quốc tế.

D. Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Câu 5: Điền từ còn thiếu vào chỗ trống, “*Mỗi dân tộc đều có những nét riêng về....., truyền thống,, tập quán, ngôn ngữ. Đó là những của nhân loại cần được tôn trọng và kế thừa*”?

A. Tình cảm/ giọng nói/ tài sản

B. Tính cách/ tập quán/ tài sản

B. Tính cách/ phong tục/ vốn quý

D. Tình cảm/ tập quán/ vốn quý

Câu 6: Trang phục truyền thống của phụ nữ Ấn Độ là gì?

A. Ki – mô – nô

C. Áo dài

B. Sari

D. Sườn xám

Câu 7: Em là du học sinh nước ngoài, tại nơi em học tập và tạm trú, các bạn học của em có cái nhìn sai lệch về nền văn hóa của quê hương bản quán của mình. Em sẽ làm như thế nào để các bạn có thể hiểu hơn về nền văn hóa dân tộc?

A. Mặc kệ những lời rèm pha.

B. Tìm cơ hội để nói với các bạn về những điều sai lệch đó.

C. Đính chính với các bạn những thông tin sai lệch, giới thiệu thêm với các bạn về những đặc trưng văn hóa của quê hương mình.

D. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

Câu 8: Hành động nào sau đây thể hiện sự không tôn trọng sự đa dạng của các quốc gia?

A. Tìm hiểu học hỏi tiếng nước ngoài.

B. Ăn các món ăn truyền thống của các dân tộc.

C. Không đến tham quan ở các nước có nền kinh tế chậm phát triển.

D. Tìm hiểu về quốc hoa của các nước.

Câu 9: Điều nào sau đây thể hiện sự tôn trọng về văn hóa của các quốc gia?

A. Tỏ thái độ không thích cách ăn mặc của một số quốc gia trên thế giới.

B. Không tích cực tham gia vào các hội thảo chia sẻ về kiến thức văn hóa của nhà trường.

C. Tìm hiểu về nét đặc trưng văn hóa của từng dân tộc.

D. Chê bai một số món ăn nước ngoài.

Câu 10: Thế nào được hiểu là một người cần cù trong lao động?

A. Hay nghỉ phép vì các lí do không chính đáng

B. Làm việc một cách thường xuyên, phấn đấu hết mình vì công việc

C. Chỉ làm những việc mình được giao

D. Khi có khó khăn thì nhanh chóng đổi sang việc khác

Câu 11: Câu ca dao nào sau đây thể hiện sự cần cù trong lao động?

A. Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang/ Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu

B. Chuồn chuồn bay thấp mưa ngập bờ ao/ Chuồn chuồn bay cao mưa rào lại tạnh

C. Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây chụm lại lên hòn núi cao

D. Cha mẹ nuôi con bằng trời bằng bể/ Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày

Câu 12: Em tán thành với ý nào dưới đây?

A. Sáng tạo là khả năng bẩm sinh của con người, không thể rèn luyện mà có được

B. Những người làm công tác nghiên cứu khoa học mới cần sáng tạo

C. Trong học tập chỉ cần sự cần cù, không cần sáng tạo

D. Làm công việc nào cũng cần cần cù và sáng tạo

II. CÂU HỎI ÔN TẬP.

Câu 1: Em hãy nêu những việc học sinh cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

Câu 2: Thế nào là tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc? Cho ví dụ cụ thể?

Câu 3: Lao động sáng tạo là gì? Tại sao chúng ta phải lao động cần cù và sáng tạo?

III. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG. Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1: Nhà trường tổ chức cuộc thi: "Tìm hiểu về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam", bạn Tuấn không muốn tham gia vì cho rằng học sinh chỉ nên tập trung cho việc học.

Câu hỏi:

- Nhận xét việc làm của Tuấn?
- Nếu em là bạn cùng lớp với Tuấn, em sẽ khuyên bạn điều làm gì?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

Tình huống 2: Linh rất thích đọc sách về các dân tộc, các nền văn hóa trên thế giới nhưng bố mẹ lại yêu cầu Linh phải dành thời gian để học các môn học chính khóa trong nhà trường.

Câu hỏi :

- Nhận xét việc làm của bố mẹ của Linh?
- Nếu là bạn của cùng lớp với Linh, em sẽ giải thích như thế nào để bố mẹ Linh hiểu?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 8

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Em hãy nêu những việc học sinh cần làm để thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam?

Những việc làm cụ thể để thể hiện lòng tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam:

- + Tìm hiểu về truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc
- + Có thái độ tôn trọng, trân quý, giữ gìn và phát huy nghệ thuật truyền thống
- + Biết ơn với những người có công với đất nước
- + Tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa...

Câu 2: Thế nào là tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc? Cho ví dụ cụ thể?

- Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc và các nền văn hoá trên thế giới là tôn trọng tính cách, truyền thống phong tục tập quán,... của các dân tộc, luôn tích cực tìm hiểu và tiếp thu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc, đồng thời thể hiện lòng tự hào chính đáng về dân tộc mình; phê phán những hành vi kỳ thị, phân biệt chủng tộc và văn hóa,

- H/s tự lấy ví dụ cụ thể

Câu 3: Lao động sáng tạo là gì? Tại sao chúng ta phải lao động cần cù và sáng tạo?

- Lao động sáng tạo là: luôn luôn suy nghĩ, cải tiến để tìm tòi cái mới, tìm ra cách giải quyết tối ưu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả lao động.

- Tại sao chúng ta phải lao động cần cù và sáng tạo:

- + Lao động cần cù, sáng tạo giúp con người hoàn thiện và phát triển phẩm chất, năng lực của mỗi cá nhân để nâng cao hiệu quả, góp phần xây dựng quê hương đất nước
- + Tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần góp phần cải thiện và nâng cao đời sống..

*** BÀI TẬP TÌNH HUỐNG.**

TÌNH HUỐNG 1:

a. Việc làm của Tuấn là sai. Vì tìm hiểu về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam cũng là tìm hiểu về lịch sử, giáo dục lòng yêu nước....

b. Em sẽ khuyên bạn: nên tham gia thi tìm hiểu để trân quý giá trị của hòa bình, là kết quả đấu tranh dựng nước và giữ nước của cha ông, giúp bản thân chúng ta yêu quê hương đất nước...

c. Bài học: luôn tìm hiểu những giá trị tốt đẹp của dân tộc, những tinh hoa văn hóa nhân loại...

TÌNH HUỐNG 2:

a. Nhận xét:

- Việc làm của bố mẹ Linh là sai. Vì việc tìm hiểu và đọc về sách về các dân tộc, các nền văn hóa trên thế giới là đang học hỏi, tìm hiểu những truyền thống, phong tục tập quán các nước giúp chúng ta học tập của bộ môn, và các kiến thức liên môn như GDCD, Lịch Sử

b. Nếu là bạn của cùng lớp với Linh, em sẽ giải thích:

- Phân tích cho bố mẹ Linh hiểu hành động đó không đúng.
- Chủ động để con chọn môn học, mình đóng vai trò định hướng cho con
- Động viên bạn nên cố gắng tìm hiểu và cùng sưu tầm và đọc sách cùng con...

c. Bài học: tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc, chủ động tìm hiểu và tiếp thu những giá trị tốt đẹp của các dân tộc...

MÔN TIẾNG ANH

VOCABULARY AND GRAMMAR:

- | | | |
|---|--|--|
| - Verbs of liking + gerunds | | - Simple and compound sentences. |
| - Verbs of liking + to-infinitives | | - Pronunciation of words related to the topics |
| - Comparative forms of adjectives: review | | - Vocabulary: Units 1, 2, 3 |
| - Comparative form of adverbs | | |

B. PRACTICE

A. Phonetics

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from the others.

- | | | | |
|-------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 1. A. <u>w</u> atched | B. <u>s</u> topped | C. <u>v</u> isited | D. <u>l</u> ooked |
| 2. A. <u>b</u> eat | B. <u>g</u> reat | C. <u>l</u> eague | D. <u>h</u> ear |
| 3. A. <u>b</u> rushed | B. <u>l</u> ived | C. <u>w</u> atched | D. <u>f</u> ixed |
| 4. A. <u>w</u> hich | B. <u>w</u> hose | C. <u>w</u> hat | D. <u>w</u> here |
| 5. A. <u>u</u> nload | B. <u>f</u> ocus | C. <u>u</u> pload | D. <u>h</u> urry |
| 6. A. <u>c</u> ultivate | B. <u>u</u> nload | C. <u>m</u> uscle | D. <u>c</u> rue |
| 7. A. <u>h</u> oped | B. <u>p</u> layed | C. <u>u</u> sed | D. <u>c</u> leaned |
| 8. A. <u>p</u> ick | B. <u>c</u> ombine | C. <u>l</u> ive | D. <u>v</u> illage |
| 9. A. <u>s</u> pread | B. <u>r</u> eady | C. <u>s</u> easide | D. <u>h</u> ey |
| 10. A. <u>b</u> ooks | B. <u>cl</u> ubs | C. <u>h</u> ats | D. <u>s</u> tamps |

II. Choose the word that has a different stress pattern from the others.

- | | | | |
|----------------|----------------|--------------|----------------|
| . A. nomadic | B. generous | C. colourful | D. countryside |
| . A. adore | B. enjoy | C. fancy | D. detest |
| . A. library | B. museum | C. melody | D. favourite |
| . A. decorate | B. family | C. festival | D. tradition |
| . A. blanket | B. invite | C. replace | D. exchange |
| . A. detest | B. balance | C. leisure | D. muscle |
| . A. prefer. | B. outdoors | C. resort | D. message |
| . A. stressful | B. connect | C. account | D. forum |
| . A. collect | B. arrangement | C. upload | D. famous |

10. A. stranger B. people C. replace D. factory

B. Grammar & Vocabulary.

I. Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

1. All the students in this club find _____ origami interesting.
A. doing B. making C. taking D. folding
2. My children are hooked _____ playing chess.
A. on B. in C. at D. about
3. Many parents are worried that their kids are _____ to computer games.
A. interested B. fond C. addicted D. crazy
4. I think watching TV more than 5 hours a day may _____ the children's health.
A. balance B. ban C. improve D. affect
5. Maria put all her _____ into buying a new bicycle.
A. trick B. savings C. leisure D. craft kit
6. Nowadays, teenagers tend to make _____ friends on Facebook.
A. virtual B. real C. true D. reliable
7. We can see a lot of cows and buffaloes on the green _____ in the countryside.
A. paddy fields B. farms C. pastures D. castle
8. After harvesting rice, I helped my dad _____ it onto a truck.
A. unload B. pick C. dry D. load
9. I remember going with the village children to _____ the buffaloes when I was a kid.
A. raise B. herd C. feed D. combine
10. Thanks to modern machines, the farmers can _____ a field in a short period of time.
A. plough B. catch C. harvest D. separate
11. In summer, I usually go to my hometown to help my grandmother pick _____ in the orchard.
A. trees B. plants C. fruit D. flowers
12. I love staying here because of the picturesque scenery with vast fields _____ long distances.
A. opening B. widening C. expanding D. stretching
13. Nowadays, teenagers have _____ from their parents and friends.
A. pressure B. activities C. leaders D. tests
14. You should take part _____ some clubs to improve your confidence.
A. with B. in C. of D. about
15. _____ can make students more likely to develop anxiety.
A. Testing B. Chatting C. Bullying D. Cheating
16. I prefer _____ comic books to _____ board games.
A. reading - playing B. read - play C. to read - to play D. reading - play
17. Lucia hates _____ to school every morning.
A. walk B. to walk C. walking D. Both B & C
18. We are _____ on playing basketball after school.
A. interested B. keen C. crazy D. fond
19. I think Susan adores _____ craft because I see a lot of paper in her room.
A. to make B. make C. making D. Both A & C
20. I don't mind _____ the trees in the garden when my father asks me to.
A. to water B. water C. watered D. watering
21. Living cost in the city is much _____ than that in the countryside.
A. expensive B. more expensive C. expensiver D. the more expensive
22. I think people in the urban areas have _____ life than those in the rural ones.
A. better B. the best C. gooder D. the better
23. Jane lives in London, so she can speak English _____ than us.

- A. fluentlier B. more fluentlier C. more fluently D. the most fluently
24. Buildings in cities are much _____ than those in the countryside.
A. more tall B. taler C. more taller D. taller
25. I used to live _____ when I was in my hometown.
A. more happily B. more happy C. happier D. happier
26. Tony works hard; _____, he gets promotion every two years.
A. however B. so C. therefore D. if
27. Lucy went to school late, _____ she got up late.
A. and B. if C. but D. because
28. My father is watering the trees, _____ my mother is cooking in the kitchen.
A. so B. but C. and D. or
29. It's raining outside; _____, the kids are still playing in the garden.
A. however B. therefore C. otherwise D. and
30. You have to fasten your seatbelt; _____, you will be fined.
A. however B. so C. or D. otherwise

II. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning.

1. Young people still **dislike** wearing jeans nowadays.
A. enjoy B. hate C. love D. mind
2. You should go to the **picturesque** village this summer.
A. vast B. beautiful C. ugly D. slowly
3. She asked the doctor why she has felt a bit **stressful** lately.
A. tense B. expect C. appeal D. thoughtful
4. I often ask my sister to **look after** the children while I am away on business.
A. look forward to B. take part in C. pay attention to D. take care of
5. The books about Harry Potter have been very popular, both at home and **abroad**.
A. in a foreign country B. in a local area
C. from another planet D. from another city

III. Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning.

1. My parents really **hate** using Facebook or watching TIKTOK everyday.
A. sell B. dislike C. detest D. love
2. My brother is very **keen on** passing the final exam.
A. likes B. slowly C. hates D. is interested
3. The porter explained to us how to **load** the luggage the airport.
A. unload B. visit C. go to D. see
4. She worked hard. Therefore, she **passed** the exam easily.
A. got B. failed C. took part in D. looked after
5. He often **goes to bed early** and never surfs the Web.
A. goes swimming B. stay up late
C. play game late D. get bad marks

IV. Mark the letter A, B, C, or D on your answer that best completes each of the following exchanges.

1. James: "What do you usually do in your leisure time?"- Mike: "_____"
A. Yes, please B. I do DIY with my dad C. Yes, I do D. No, I am not
2. Linda: "What about collecting bottles and cans?" – An: "Ok, _____."

- A. Thank you B. I don't know C. Good idea D. not at all
3. Jim: "What a beautiful painting!" - Nam: " _____ "
- A. I'm glad to tell you so B. You're welcome C. I don't mind if you say D. Thanks
4. Robert: "Would you like to have dinner with me tonight" - Mary: " _____ "
- A. Yes, I'd love to B. Yes, I will C. Never mind, thanks D. No, I won't
5. Mary: " Thanks a lot for your sound advice." - John: " _____ ."
- A. No worries B. I like it
- C. That's all right D. It's my pleasure.

V. Mark the letter A, B, C, or D on your answer that needs correction the following questions.

1. She usually spends thirty minutes to do the shopping.
A B C D
2. When we were small, we often enjoyed to go fishing, playing soccer and flying kites.
A B C D
3. In English speaking club, some speakers speak English more quicker than native ones.
A B C D
4. Nam often drives more careful than his classmate.
A B C D
5. Mono wants to have more friends, so he doesn't get along with others.
A B C D
6. My sister often goes to work by car, because sometimes on foot.
A B C D
7. I like lying on the beach, so I always spend my holiday to sunbathe.
A B C D
8. Last night, I enjoyed to surf the Facebook very late.
A B C D
9. She can swim much more well than anyone else in my class.
A B C D
10. It is important for parents to teach their children how using social media wisely.
A B C D

C. Reading

I. Read the following passage and choose the correct answer to fill in the blanks.

Being engaged in a DIY project can give you a sense of pleasure and satisfaction. Finishing a DIY project can help you (1) _____ accomplished and happy with your hard (2) _____ and dedication, and leaves you with something you can be proud to show off. A 2016 study done by Occupational Therapy International showed that participants of the study who took part (3) _____ creative activities, including DIY projects, felt a boost in mood for happiness.

Another (4) _____ DIY projects can have on your mental health is that it helps reduce (5) _____ and anxiety. Focusing on a hands-on project can help you disengage from any life stressors you may be facing. Some even consider DIY projects to be "meditative". This comes from the similarities people feel between hands-on projects and meditation such as deep concentration and heightened awareness.

1. A. to feel B. feel C. feeling D. felt
2. A. job B. working C. work D. study
3. A. with B. in C. of D. for
4. A. benefit B. drawback C. point D. effect
5. A. happiness B. homework C. concentration D. stress

II. Read the following passage and choose the correct answers.

I was growing up and raised in a small town in the northern part of Thailand before staying in the big city in order to finish high school. My rural town is in the middle of the way between 2 cities. It is surrounded by a great mountain and an abundance of forest. The population density is lower than the city, but the population increases every year.

Agriculture is a crucial industry in my hometown. Most of the folks are farmers, agriculturalists, and orchardists. There are plenty of farmlands and hills, and there are so many traders, merchandise, and business owners in my district. The market is the centre of exchanging goods and products. Once said, if you want to know the economy of the community, you will have to look at the market. People usually spend time in the market, especially in the morning. There are many restaurants and accommodations for travellers.

My country has a diversity of food. In general, the food is divided into two groups. They are Thai food and local food. Thai food refers to food that most Thais know well. Most restaurants sell. Thai people can eat everywhere around the world. Local food or traditional food means food of the region. Every region has its food and recipes. My district is in the Northern part of Thailand. Northern Thai food or Lana food is abundant. My community has so many local food restaurants. Moreover, some families still cook Lanna food. Thus, the people have choices about what they want to eat and consume today.

1. Where was the author growing up and raised?

- A. in the southern part of Thailand B. in the centre of Thailand
C. in the northern part of Thailand D. in a big city

2. What is the main industry of his/ her hometown?

- A. tourism B. agriculture C. fishing D. services

3. Where will you have to look if someone wants to know the economy of the community?

- A. market B. communal house C. supermarket D. shops

4. What is local food?

- A. It is the food that most Thais know well. B. It is the food that some families still cook.

C. It is the food people eat and consume today. D. It is the food of the region.

5. Which of the following is **TRUE** according to the passage?

- A. Northern Thai food or Lana food is uncommon.
B. There are only some restaurants and accommodations for travellers in the northern part of Thailand.
C. The food is divided into two groups.
D. Most of the local people are tour guides.

D. Writing

I. Read the sentences and choose the best written sentences from the given words.

1. Jack/ not/ mind/ do/ a lot of/ homework/ in the evenings.

- A. Jack doesn't mind to do a lot of homework in the evenings.
B. Jack didn't mind to do a lot of homework in the evenings.
C. Jack didn't mind doing a lot of homework in the evenings.
D. Jack doesn't mind doing a lot of homework in the evenings

2. He/ usually/ go/ herd/ buffaloes/ other boys/ village.

- A. He usually goes herding buffaloes with other boys in village.
B. He usually go herding buffaloes with other boys in village.
C. He usually goes herding buffaloes with other boys in the village.
D. He usually go herding buffaloes with other boys in the village.

3. Marie/ like/ window shopping/ her close friend/ Saturday evenings.

- A. Marie likes window shopping with her close friend in Saturday evenings.

- B. Marie like window shopping with her close friend in Saturday evenings.
- C. Marie likes window shopping with her close friend on Saturday evenings.
- D. Marie like window shopping with her close friend on Saturday evenings.

4. Many parents/ not/ put/ much/ pressure/ children.

- A. Many parents doesn't put much pressure on their children.
- B. Many parents don't put much pressure in their children.
- C. Many parents doesn't put much pressure in their children.
- D. Many parents don't put much pressure on their children.

5. She/ want/ prepare/ exam/ so/ she/ turn off/ phone.

- A. She wanted to prepare for the exam so she turned off her phone.
- B. She wanted to prepare for the exam because she turned off her phone.
- C. She wanted to prepare for the exam but she turned off her phone.
- D. She wanted to prepare for the exam otherwise she turned off her phone.

II. Read the sentences and choose the sentences have closet meaning with the given ones.

1. He passed the exam because he's intelligent.

- A. He's intelligent, but he passed the exam.
- B. He's intelligent, and he passed the exam.
- C. He's intelligent, for he passed the exam.
- D. He's intelligent, so he passed the exam

2. He hates playing board games.

- A. He doesn't like playing board games.
- B. He doesn't dislike playing board games.
- C. He doesn't detest playing board games.
- D. He doesn't want playing board games.

3. His brother drives more carefully than her brother.

- A. Her brother doesn't drive as carefully as his brother.
- B. Her brother doesn't drive carefully as her brother.
- C. Her brother doesn't drive as carefully than her brother.
- D. Her brother drive as carefully as his brother.

4. He speaks English more fluently than anyone in my class.

- A. He is the most fluent English speaker in my class.
- B. He is the most fluent English speak in my class.
- C. No one in my class speaks English as fluently as he does.
- D. Both A and C.

5. Teenagers join the Teen Line forum as they enjoy chatting with other teens.

- A. Teenagers join the Teen Line forum, but they enjoy chatting with other teens.
- B. Teenagers join the Teen Line forum otherwise they enjoy chatting with other teens.
- C. Teenagers join the Teen Line forum, so they enjoy chatting with other teens.
- D. Teenagers join the Teen Line forum because they enjoy chatting with other teens.

III. Write the correct sentences from the given words.

1. I / keen / watch / Marvel's films.

2. The / air / urban / areas / polluted / than / that / the rural / areas.

3. I / feel / tired; / I / try / finish / work.

4. Nam / jump / high / than / his brother.

5. It / snow / outside / now, / I / will/ bring / along / umbrella.

IV. Rewrite the following sentences that has the same meaning as the first one.

1. Lan spends 3 hours a day doing her homework.

→ It takes Lan _____

2. Jane is a more beautiful dancer than Huy.

→ Jane dances _____

3. I was feeling tired. I went to bed when I got home.

→ Because _____

4. Lan wants to study better, so she turns off her mobile phone.

→ Because _____

5. He has a smart phone, but he never logs on his account on Facebook.

→ Although _____

MÔN HDTNHN

I. Nội dung câu hỏi ôn tập:

CHỦ ĐỀ 1. EM VỚI NHÀ TRƯỜNG

1. Tình bạn khác giới và tình yêu
2. Phòng tránh bạo lực học đường

CHỦ ĐỀ 2. KHÁM PHÁ BẢN THÂN

1. Vượt qua nỗi sợ
2. Thương lượng hiệu quả.

MÔN THỂ DỤC

- Nhảy cao

Loại đạt: Thực hiện tương đối đúng kỹ thuật 3 bước nhảy cao

Biết cách sửa sai khi quên động tác. (Có thể thi lý thuyết)

Loại chưa đạt: Chưa thực hiện được kỹ thuật 3 bước nhảy cao, quên nhiều động tác.

Không nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

MÔN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “*Chào năm học mới.*”.
2. Hát bài “*Việt Nam ơi.*”.
3. Tập đọc nhạc số 1

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm
2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

MÔN MỸ THUẬT

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 4: Nét đặc trưng trong tranh sơn mài Việt Nam

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tạo được bức tranh có sử dụng vỏ trứng để tạo hình, màu và chất cảm.
- Vận dụng được kỹ thuật gắn vỏ trứng để trang trí các sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống.

Lịch kiểm tra giữa học kỳ I (có thể thay đổi theo thực tế nhà trường)

(Tuần 9,10 từ 01/10/2023 đến hết 10/11/2023)

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
	hai	30/10/2023	3-Sáng	Tin 6,7,8
9	ba	31/10/2023	2-Sáng	Công nghệ 6,7,8,9
	Tư	1/11/2023	3-Sáng	GDCD 6,7,8,9.
	Năm	2/11/2023	1 -Sáng	Địa 9
	Sáu	3/11/2023	1-Sáng	Sử 9.
			5- Sáng	HĐTN-HN 6,7,8
	Bảy	4/11/2023	1- Sáng	Sinh 9
10	Hai	6/11/2023	2-Sáng	Lý 8,9.
			2- Sáng (8h20—9h20)	Lịch sử &Địa lí 6,7 (60 phút)
	Ba	7/11/2023	1- Sáng	Hóa 9.
			1+2 Sáng	KHTN 6,7,8 (90 phút)
	Tư	8/11/2023	1+2- Sáng 3+4-Sáng	Văn 8,9 Văn 6,7
			14h00 đến 15h00 15h30 đến 16h30	Anh 6,7 (60 phút) Anh 8,9 (60 phút)
	Năm	9/11/2023	1+2 - Sáng	Toán 8,9
			3+4 - Sáng	Toán 6,7